

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

THỦY SƠN PHƯƠNG

**CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2016

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

THỦY SƠN PHƯƠNG

**CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa học và luận văn thạc sĩ Luật học của mình, trước hết tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các khoa, phòng và quý thầy, cô trong Học viện Khoa học Xã hội đã tận tình hướng dẫn, truyền đạt những kiến thức quý báu cho tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn thạc sĩ Luật học.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến PGS.TS Phạm Văn Tỉnh đã trực tiếp hướng dẫn, định hướng chuyên môn, quan tâm giúp đỡ tận tình và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình thực hiện luận văn.

Bên cạnh đó, tôi cũng gửi lời cảm ơn của mình đến cơ quan, bạn bè, đồng nghiệp luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện, chia sẻ và động viên tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình thực hiện nhưng do những hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô và bạn bè.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TÁC GIẢ

Thủy Sơn Phương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn Thạc sĩ Luật học “*Các tình tiết tăng nặng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Phạm Văn Tỉnh.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

Thủy Sơn Phương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	7
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	7
1.2. Phân loại các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	10
1.3. Nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt.....	17
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	23
2.1. Phạm tội có tổ chức (điểm a, khoản 1, Điều 48 BLHS)	23
2.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (điểm b, khoản 1, Điều 48 BLHS)	25
2.3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội (điểm c, khoản 1, Điều 48 BLHS)	27
2.4. Phạm tội có tính chất côn đồ (điểm d, khoản 1, Điều 48 BLHS)	29
2.5. Phạm tội vì động cơ đê hèn (điểm đ, khoản 1, Điều 48 BLHS)	29
2.6. Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng (điểm e, khoản 1, Điều 48 BLHS)	31
2.7. Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm (điểm g, khoản 1, Điều 48 BLHS).....	33
2.8. Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác (điểm h, khoản 1, Điều 48 BLHS)	37

2.9. Xâm phạm tài sản của Nhà nước (điểm i, khoản 1, Điều 48 BLHS)	43
2.10. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (điểm k, khoản 1, Điều 48 BLHS).....	44
2.11. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội (điểm k, khoản 1, Điều 48 BLHS).....	47
2.12. Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người (điểm m, khoản 1, Điều 48 BLHS)	51
2.13. Xúi giục người chưa thành niên phạm tội (điểm n, khoản 1, Điều 48 BLHS)	52
2.14. Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm (điểm o, khoản 1, Điều 48 BLHS)	52
CHƯƠNG 3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	54
3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự và thực tiễn tại tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 – 2015.....	54
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	67
KẾT LUẬN	77
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS : Bộ luật Hình Sự

TNHS : Trách nhiệm hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Gia Lai là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Tây Nguyên, nằm trong tọa độ từ 12⁰58'40" đến 14⁰37'00" vĩ độ Bắc và từ 107⁰27'30" đến 108⁰54'40" kinh độ Đông. Gia Lai có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng – an ninh; có diện tích tự nhiên lớn thứ hai toàn quốc (15.536 Km²); có 17 đơn vị hành chính cấp huyện, 222 xã, phường, thị trấn, trong đó có 07 xã biên giới thuộc 03 huyện; có chiều dài 90 km đường biên giới trên bộ tiếp giáp với tỉnh Rattanakiri thuộc Vương quốc Campuchia; tỉnh Gia Lai là giao điểm của nhiều tuyến quốc lộ quan trọng trong khu vực với tổng chiều dài 503 km. Dân số của tỉnh Gia Lai đứng thứ 22 toàn quốc (trên 1,3 triệu người), gồm có 34 dân tộc, trong đó, người dân tộc thiểu số chiếm 45%, chủ yếu là dân tộc Jrai (30,16%) và Bahnar (12,3%). Trên địa bàn tỉnh có 5 tôn giáo, với 330.604 tín đồ, chiếm 23,5% dân số toàn tỉnh, trong đó số tín đồ là đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 44,02%.

Tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Gia Lai qua các năm tăng giảm thất thường, tội phạm có diễn biến, tính chất, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, táo tợn, nghiêm trọng hơn; tội phạm sử dụng công nghệ cao, vũ khí quân dụng, vũ khí tự tạo... tiềm ẩn nhiều phức tạp. Tội phạm hình sự đang có xu hướng trẻ hóa, liều lĩnh, manh động; tội phạm có tổ chức, băng nhóm gia tăng. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh về kinh tế - xã hội cũng như xuất hiện nhiều tụ điểm ăn chơi trá hình là môi trường thuận lợi cho tội phạm hoạt động và dễ phát sinh tội phạm. . . Từ năm 2010 đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tình hình tội phạm xảy ra với chiều hướng ngày càng gia tăng, Tòa án phải xét xử hình sự sơ thẩm 5645 vụ/11.905 bị cáo. Như vậy, ở Gia Lai cũng như ở các địa phương khác trên đất nước ta, nhu cầu đấu tranh với

tình hình tội phạm luôn luôn đặt ra và được thực hiện theo hai hướng, phòng và chống. Hai hướng này, trên thực tế vốn có quan hệ biện chứng với nhau, song về mặt lý luận thì có phân biệt để phát triển chuyên sâu. Đi theo hướng chống tội phạm và phải áp dụng nguyên tắc quốc tế “Nullum crimen sine lege; Nulla poenitentia sine lege” nên tội phạm và hình phạt phải được quy định trong Luật mà ở ta là Bộ luật Hình sự. Sự quy định này vốn là tính còn thực tế của tình hình tội phạm, cũng như thực tế diễn ra một hành vi phạm tội lại thường phức tạp, biến động và đa dạng hơn, mà nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự lại phải áp dụng để bảo đảm công bằng. Vì thế Luật phải quy định cả về những tình tiết giảm nhẹ, cả về những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Ở nước ta, các quy định về những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đã được ghi nhận lần đầu tiên tại Bộ luật Hình sự năm 1985. Tại lần pháp điển hoá pháp luật hình sự Việt Nam lần thứ hai với việc thông qua Bộ luật Hình sự năm 1999 thì quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng đã được sửa đổi, bổ sung thêm. Đến năm 2009 Bộ luật Hình sự năm 1999 lại được sửa đổi, bổ sung nhưng trong lần sửa đổi, bổ sung này nhà làm luật không sửa đổi, bổ sung đối với quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tức là đã vào thế ổn định, song trong thực tiễn áp dụng, lại cho thấy nhiều khó khăn, vướng mắc như áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” đối với tội đánh bạc và trộm cắp tài sản.

Như vậy, thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật hình sự hiện hành về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trên địa bàn tỉnh Gia Lai có thể và cần phải được nghiên cứu, khái quát hóa trên cơ sở hướng dẫn của khoa học Luật hình sự để góp phần đấu tranh chống tội phạm, góp phần hoàn thiện hóa quy định của pháp luật về các tình tiết đã nêu, cũng như kiến nghị áp dụng đúng pháp luật. Đó chính là lý do mà đề tài “*Các tình tiết tăng nặng*

theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Gia Lai” đã được lựa chọn để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình lý luận về pháp luật hình sự sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo:

- *“Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam”* Nxb Chính trị quốc gia, 1994;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt nam - phần các tội phạm”* (2008), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung”* (2002), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam”*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb CAND (2004);
- *“Lý luận chung về định tội danh”* (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- *“Vấn đề hoàn thiện những quy định về các tội cờ bạc trong Bộ Luật hình sự năm 1999”* (2003), Cao Thị Oanh, Tạp chí Tòa án nhân dân số 1;
- *“Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam”* (2000), Đinh Văn Quế, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;...

Ngoài ra còn có những bài viết về vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt, về tội phạm và hình phạt, về cấu thành tội phạm... được đăng tải trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật, tạp chí Tòa án nhân dân, tạp chí Kiểm sát nhân dân... trong những năm gần đây.

Các công trình đã nêu trên là cơ sở lý luận quan trọng không thể thiếu được trong việc thực hiện đề tài Luận văn. Bởi vì, trong đó không chỉ chứa đựng những hướng dẫn lý luận về các vấn đề cơ bản mà đề tài Luận văn cần

phải giải quyết, mà còn có những chỉ dẫn cho việc thực hiện đề tài như thế nào.

2.2. Tình hình nghiên cứu thực tế

Ở một mức độ cụ thể và liên quan trực tiếp đến đề tài Luận văn hay cùng hướng nghiên cứu với đề tài Luận văn, các công trình khoa học cụ thể sau đây đã được tham khảo:

- *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam”*, Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Vũ Văn Phong, Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;

- *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Phan Hồng Thủy, khoa Luật trường Đại học quốc gia Hà Nội;

- *“Đấu tranh phòng, chống tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội”*, Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Mạnh Hải, bảo vệ năm 2013 tại Học viện KHXH;

- *“Tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn thành phố Ninh Bình, tình hình nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Vũ Thị Len, bảo vệ năm 2015 tại Học viện KHXH;

- *“Đấu tranh phòng chống tội cờ bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội”*, Luận văn Thạc sĩ của tác giả Cao Thị Oanh (2002), Đại học Luật Hà Nội;

- *“Vấn đề hoàn thiện những quy định về các tội cờ bạc trong Bộ luật hình sự năm 1999”*, Cao Thị Oanh (2003), Tạp chí Tòa án nhân dân số 1;

- *“Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, một số khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm học”*, Luận văn Thạc sĩ của tác giả Mai Phong, Đại học quốc gia Hà Nội; ...

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 2010-2015, Luận văn góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự (gồm cả Luật và văn bản hướng dẫn) về loại tình tiết này và kiến nghị giải pháp áp dụng bảo đảm hiệu quả trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, đề tài tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Làm sáng tỏ vấn đề lý luận và thực tiễn về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam;
- Phân tích nội dung, điều kiện áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành của Nhà nước ta;
- Làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định này trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Về đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài thể hiện ở việc xác định đúng bản chất pháp lý của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ thực tế của tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Gia Lai những năm qua để có quy định phù hợp.

4.2. Về phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi của chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự.

Về địa bàn và thời gian, đề tài sử dụng số liệu xét xử và 100 bản án đã được xét xử trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong các năm từ 2010 đến 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về tội phạm, hình phạt và về phòng, chống tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù như: Phép biện chứng; lịch sử; luật so sánh; phân tích; tổng hợp; quy nạp, diễn dịch; thống kê; so sánh; nghiên cứu hồ sơ.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả của đề tài góp phần làm phong phú thêm cho lý luận của khoa học luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các cán bộ đang làm công tác thực tiễn trong các cơ quan tiến hành tố tụng, các cán bộ nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành tư pháp luật hình sự.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm ba chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng và các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1.1.1. Khái niệm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Điều 45 BLHS năm 1999 quy định: “Khi quyết định hình phạt, Toà án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự” [18, tr. 69]. Như vậy các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa hết sức quan trọng khi quyết định hình phạt, là phương tiện để thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong áp dụng pháp luật.

Theo tác giả Đinh Văn Quế thì: “tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết trong một vụ án làm tăng mức độ nghiêm trọng của tội phạm và người phạm tội phải chịu một hình phạt nghiêm khắc hơn so với người không có tình tiết tăng nặng (trong một khung hình phạt)”. [24, tr. 16]

Theo tác giả Dương Tuyết Miên thì: “các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết được quy định trong BLHS phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng TNHS có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt, làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt nhất định”. [11, tr. 191]

Các tình tiết tăng nặng TNHS là sự thể hiện theo hướng làm tăng lên mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Khi những tình tiết này xuất hiện thì mức độ TNHS áp dụng đối với người phạm tội cũng tăng lên, do đó, người

phạm tội phải chịu TNHS nặng hơn. Những tình tiết đó mang tính chất khách quan, được các nhà làm luật nhận thức và quy định trong BLHS để đảm bảo tính công bằng, tính nghiêm minh của pháp luật hình sự. TNHS, hình phạt chỉ đạt được mục đích trừng trị, giáo dục, cải tạo người phạm tội khi chúng được Toà án tuyên tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và người phạm tội.

Các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết không được ghi nhận bằng những dấu hiệu của cấu thành tội phạm, mà được ghi nhận trong phần chung của BLHS (Điều 48, BLHS năm 1999). Tình tiết tăng nặng TNHS không có ý nghĩa trong việc định tội, mà chỉ có ý nghĩa trong việc lượng hình, khi các tình tiết này xuất hiện, nó làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi theo hướng nghiêm trọng hơn, trong phạm vi một khung hình phạt của một tội phạm cụ thể. Do đó, ảnh hưởng đến TNHS và hình phạt đối với người phạm tội, làm tăng hình phạt áp dụng đối với người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt đã xác định.

Từ những phân tích trên, có thể khái quát về các tình tiết tăng nặng TNHS như sau: Các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết của vụ án hình sự, không có ý nghĩa trong việc định tội mà chỉ có ý nghĩa trong việc lượng hình. Khi xuất hiện những tình tiết này trong vụ án hình sự sẽ làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt của một tội phạm cụ thể so với trường hợp thông thường ở trong cùng một loại tội.

1.1.2. Ý nghĩa của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Ý nghĩa về mặt chính trị:

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thể hiện cụ thể đường lối, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Khoản 2 Điều 3 của BLHS năm 1999 quy định: "Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố

chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại đã gây ra” [18, tr. 48]. Quy định này thể hiện rõ đường lối xử lý nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục cải tạo đối với người phạm tội.

Ý nghĩa về mặt xã hội:

Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS thể hiện chính sách nghiêm trị của Nhà nước ta đối với tội phạm, đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc công bằng trong lĩnh vực hình sự, có tác động tích cực trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Đối với mỗi tội phạm cụ thể thì các tình tiết tăng nặng TNHS không có giá trị tăng nặng như nhau, có tình tiết có ý nghĩa tăng nặng lớn, nhưng cũng có tình tiết chỉ có ý nghĩa tăng một phần nhỏ TNHS đối với người phạm tội. Do vậy, việc hiểu và vận dụng đúng đắn các tình tiết tăng nặng trong việc xác định TNHS trong mỗi trường hợp phạm tội cụ thể là tiền đề đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc cá thể hóa TNHS và hình phạt.

BLHS chỉ có thể quy định một cách khái quát mức hình phạt thấp nhất và cao nhất trong một khung hình phạt đối với một tội phạm. Vì trong thực tế mỗi tội phạm xảy ra rất khác nhau, phong phú, đa dạng về nguyên nhân, hoàn cảnh, mức độ thực hiện tội phạm, mức độ gây thiệt hại, về thân nhân người phạm tội, ... Những tình tiết riêng biệt này đóng vai trò rất quan trọng trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã xảy ra và TNHS của người phạm tội. Do đó, việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS làm căn cứ để quyết định hình phạt đối với người phạm tội là thực hiện nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, đảm bảo sự công bằng giữa các

công dân trước pháp luật, giúp đạt được mục đích của hình phạt là cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

Ý nghĩa về mặt pháp lý:

Các tình tiết tăng nặng là những tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã được thực hiện, là cơ sở pháp lý để tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội trong phạm vi của một khung hình phạt tương ứng cụ thể. Thể hiện nội dung nghiêm trị trong chính sách hình sự của Nhà nước ta, đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc cá thể hóa TNHS và hình phạt. Về mặt pháp lý, các tình tiết tăng nặng TNHS có ý nghĩa là một phương tiện phân hóa TNHS trong luật và cá thể hóa TNHS trong áp dụng pháp luật, là điều kiện cần thiết để đạt được mục đích của hình phạt.

1.2. Phân loại các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1.2.1. Phân loại căn cứ tính chất của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết tăng nặng TNHS đều thể hiện việc làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, song do các tình tiết đó đều là biểu hiện sự nguy hiểm hơn của các yếu tố cấu thành tội phạm, của nhân thân người phạm tội, nên giữa các tình tiết có sự khác nhau về tính chất.

Căn cứ theo tiêu chí này, các tình tiết tăng nặng TNHS được chia thành:

Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố chủ quan của tội phạm.

Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc thân nhân người phạm tội.

Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc yếu tố khách quan của tội phạm.

Cách phân loại này sẽ giúp chúng ta một phần trong việc đánh giá đúng ý nghĩa của từng tình tiết tăng nặng đối với từng loại tội phạm, đưa ra phạm vi áp dụng của từng loại tình tiết tăng nặng. Cũng vì vậy, chỉ cần phân loại các tình tiết tăng nặng ở Điều 48 BLHS mà không phân loại các tình tiết tăng nặng đã được quy định là tình tiết định tội, hay tình tiết định khung hình phạt

vì đó là những tình tiết tăng nặng đã được quy định trong từng tội cụ thể, chỉ có giá trị định tội, định khung hình phạt.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc yếu tố chủ quan của tội phạm:

Là những tình tiết phản ánh thái độ tâm lý, diễn biến tâm lý của người phạm tội trước, trong khi phạm tội có vai trò làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Tất nhiên, thái độ, diễn biến tâm lý phải liên quan trực tiếp đến việc thực hiện tội phạm. Các tình tiết này gồm có: Phạm tội vì động cơ đê hèn; Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc nhân thân người phạm tội:

Những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội là những tình tiết phản ánh các đặc điểm thuộc về con người phạm tội thể hiện tính nguy hiểm ít hay nhiều của người phạm tội. Xét đến đặc điểm thân nhân không có gì trái với nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật mà lại là rất cần thiết vì Toà án xét xử một vụ án cụ thể cũng là xét xử một con người cụ thể. Hình phạt chỉ có thể hợp lý, công bằng, cũng như chỉ có thể phát huy đầy đủ tác dụng khi nó tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và với tính chất, mức độ nguy hiểm của bản thân người phạm tội.

Có những đặc điểm thân nhân liên quan hữu cơ với việc thực hiện tội phạm, nói lên mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi cũng như của người phạm tội, làm sáng tỏ mặt khách quan và chủ quan của tội phạm, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, khả năng tiếp thu giáo dục, cải tạo của họ... Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội gồm:

- Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.
- Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm.
- Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc yếu tố khách quan của tội phạm:

Là những tình tiết phản ánh dấu hiệu bên ngoài của tội phạm, có ý nghĩa làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm so với những trường hợp phạm tội tương đương không có những tình tiết này. Những tình tiết này phản ánh tính chất hành vi, công cụ, phương tiện, thủ đoạn, đối tượng phạm tội, hậu quả tội phạm, gồm các tình tiết sau:

- Phạm tội có tổ chức.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.
- Phạm tội có tính chất côn đồ.
- Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất tinh thần, công tác hoặc các mặt khác.
- Xâm phạm tài sản của Nhà nước.
- Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.
- Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội.
- Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội, hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây hại cho nhiều người.
- Xúi giục người chưa thành niên phạm tội.

1.2.2. Phân loại căn cứ vào ý nghĩa pháp lý của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Do tính đa dạng, phức tạp của tội phạm nên để cá thể hoá trách nhiệm hình sự được triệt để, các nhà làm luật trước hết phải phân chia tội phạm thành các nhóm tội, các tội khác nhau, trong mỗi tội có khung hình phạt khác nhau (chỉ có một số ít tội chỉ có khung hình phạt duy nhất). Trong mỗi khung

hình phạt của một tội thì mức độ nguy hiểm cho xã hội biểu hiện cũng khác nhau. Do đó, nhà làm luật phải quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS chung để áp dụng cho các loại tội phạm trong một khung hình phạt nhất định. Các tội phạm khác nhau có thể khác nhau về chủ thể và khách thể, đối tượng tác động, về khách quan, hành vi, hậu quả về chủ thể, hình thức, tính chất mức độ lỗi. Do đó, mức độ ảnh hưởng của mỗi tình tiết tăng nặng TNHS đối với các loại tội khác nhau, các tội khác nhau cũng khác nhau.

Căn cứ vào tiêu chí này, tình tiết tăng nặng TNHS được phân chia thành 3 loại:

Tình tiết tăng nặng TNHS định khung.

Tình tiết tăng nặng TNHS thuộc cấu thành tội phạm nặng hơn.

Tình tiết tăng nặng TNHS chung (được quy định ở Điều 48 BLHS).

Tình tiết tăng nặng định khung:

Tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm một cách đáng kể. Do đó, trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với trường hợp tội phạm có tình tiết đó cũng cao hơn, TNHS cao hơn đó thể hiện ở chế tài được quy định ở khung cao hơn đối với chế tài của khung hình phạt cơ bản.

Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là liên tục không tách rời. Tuy nhiên, để đảm bảo thuận lợi cho cá thể hoá TNHS, tránh tuỳ tiện thì hình phạt được chia thành từng khung nhất định. Khoảng cách giữa mức độ cao nhất và mức độ thấp nhất của hình phạt đối với tội đó càng lớn thì càng có nhiều khung hình phạt (nhiều cấu thành tội phạm tăng nặng). Tương ứng như vậy, tình tiết tăng nặng nào biểu hiện cho tính nguy hiểm cho xã hội lớn hơn đáng kể so với tình tiết khác thì sẽ ở khung hình phạt cao hơn.

Nhìn chung, chỉ có tình tiết tăng nặng thuộc hậu quả vật chất của tội phạm và các tình tiết khác thuộc mặt khách quan của tội phạm có tính định

lượng là phản ánh phạm vi rộng nhất mức độ ảnh hưởng của nó đến tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, tình tiết này có mặt ở hầu hết các khung hình phạt tăng nặng, còn các tình tiết tăng nặng định khung khác chỉ có mặt ở một khung nhất định. Có những tình tiết tăng nặng định khung được dùng phổ biến ở nhiều nhóm tội, nhiều tội như: "phạm tội có tổ chức", "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", "tái phạm nguy hiểm", "phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng",... Có những tình tiết chỉ áp dụng cho một nhóm tội như "nhiều người phạm tội đối với một người", "làm nạn nhân có thai" trong các tội phạm tình dục. Có những tình tiết thì chỉ áp dụng cho một tội riêng biệt như "hành hung để tẩu thoát" ở tội trộm cắp tài sản.

Tình tiết tăng nặng định tội:

Tình tiết tăng nặng định tội là tình tiết làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm theo hướng tăng lên. Tức là tình tiết đó làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, tội phạm phải được xử lý về tội nặng hơn.

Tình tiết tăng nặng TNHS định tội không phải là tình tiết định tội, tuy nó đều đóng vai trò là một yếu tố trong cấu thành tội phạm, nhưng đây là yếu tố thuộc cấu thành tội phạm tăng nặng định tội. Nếu là tình tiết định tội thì khi không có tình tiết đó, hành vi không cấu thành tội phạm. Còn đối với các tình tiết tăng nặng định tội thì khi không có tình tiết đó thì hành vi cũng đã cấu thành một tội phạm khác nhẹ hơn. Tình tiết đó chỉ đóng vai trò tăng thêm tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà sự tăng thêm đó làm cho tội phạm thay đổi về tính chất.

Trong Luật hình sự Việt Nam, có những tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò định tội trong các cấu thành tội phạm cơ bản như: Tình tiết người bị hại là trẻ em trong tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS), tội cưỡng dâm trẻ

em (Điều 114 BLHS). Đây là tình tiết tăng nặng thuộc đối tượng tác động của tội phạm. Rõ ràng nếu luật không quy định phạm tội đối với trẻ em là tình tiết tăng nặng thì người có hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm người khác cũng đã phạm vào tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm.

Do những năm gần đây, tình trạng xâm phạm tình dục trẻ em gia tăng, gây những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng trong nhiều mặt, bởi trẻ em là đối tượng bảo vệ đặc biệt của Nhà nước và xã hội. Các nhà làm Luật cho rằng hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm trẻ em có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn nhiều so với trường hợp hiếp dâm, cưỡng dâm những người trưởng thành. Vì vậy để góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm này có hiệu quả, luật hình sự nước ta đã quy định hiếp dâm, cưỡng dâm trẻ em thành từng tội riêng (trước đây phạm tội đối với trẻ em chỉ là tình tiết tăng nặng định khung trong tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm).

Khi nghiên cứu tình tiết tăng nặng này cần phân biệt với tình tiết người bị hại là trẻ em trong một số tội như tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS), tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116 BLHS) là những tình tiết định tội và tình tiết trẻ em chưa đủ 13 tuổi là tình tiết tăng nặng định khung trong tội hiếp dâm trẻ em. Nói phạm tội đối với trẻ em là tình tiết định tội trong các tội giao cấu với trẻ em, dâm ô đối với trẻ em, bởi vì nếu không có tình tiết đó thì hành vi không cấu thành tội phạm.

Tình tiết vi phạm quy tắc hành chính hoặc quy tắc nghề nghiệp trong tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 99 BLHS) và tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 109 BLHS). Cơ sở để quy định các tội danh này nặng hơn tội vô ý làm chết người (Điều 98 BLHS) và tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 108 BLHS) là quy tắc nghề nghiệp, quy tắc

hành chính đã được luật hoá vì mọi người có nghĩa vụ phải tuân thủ, làm theo những quy trình nhất định đã được quy định nên nó khác với quy tắc xã hội. Vì vậy trường hợp vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp, quy tắc hành chính thì mức độ lỗi cao hơn. Tuy nhiên, do cả hai trường hợp đều có lỗi vô ý nên nếu không quy định thành tội riêng ở Điều 99 BLHS thì cả hai trường hợp đều xử lý về tội vô ý làm chết người.

Ngoài ra, trong BLHS còn có một số tình tiết tương tự như tình tiết tăng nặng định tội, như tình tiết nhằm chống chính quyền nhân dân ở tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 BLHS), tình tiết tài sản là công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia trong tội phá huỷ công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 231 BLHS). Đây là những tình tiết thuộc những tội có dấu hiệu giống và nặng hơn các tội giết người, cố ý gây thương tích và tội huỷ hoại tài sản. Tuy nhiên, những tình tiết này không phải là tình tiết tăng nặng định tội.

Các tình tiết tăng nặng TNHS chung:

Tình tiết tăng nặng TNHS chung là những tình tiết thuộc yếu tố chủ quan, khách quan, nhân thân người phạm tội làm cho tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên ở mức độ nhất định so với trường hợp không có tình tiết đó, có tác dụng tăng nặng TNHS đối với người phạm tội trong một khung hình phạt cụ thể của một tội phạm cụ thể. Ý nghĩa pháp lý của những tình tiết này là nhằm đảm bảo cá thể hoá hình phạt được chính xác, triệt để. Mức độ ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng chung đến tính nguy hiểm cho xã hội và do đó đến mức độ tăng nặng TNHS thấp hơn tình tiết tăng nặng định tội và tình tiết tăng nặng định khung.

Cách phân loại trên giúp ta định hướng trong việc nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS, xây dựng các tội phạm, các cấu thành tăng nặng phù hợp. Bên cạnh đó, trên cơ sở giá trị pháp lý của từng loại tình tiết giúp người

áp dụng định tội, định khung, cá thể hoá hình phạt được xác định.

1.3. Nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt

Các tình tiết tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt. Muốn xác định và áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng TNHS đối với người phạm tội cần phải nắm vững một số nguyên tắc sau đây:

1.3.1. Cần phân biệt các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS với các loại tình tiết khác trong vụ án

BLHS năm 1999 có những tình tiết vừa là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt đối với tội này nhưng cũng là tình tiết tăng nặng TNHS đối với tội khác. Ví dụ: Tình tiết “phạm tội nhiều lần” là tình tiết định khung hình phạt đối với tội hiếp dâm (Điều 111 BLHS) nhưng chỉ áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS đối với tội trộm cắp tài sản (Điều 138 BLHS). Vì vậy, trong lý luận và thực tiễn cần phân biệt được các tình tiết này với nhau để hiểu và vận dụng thống nhất.

Phân biệt tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS với tình tiết là dấu hiệu định tội:

Tình tiết định tội là tình tiết mà không có nó thì không cấu thành tội phạm, nó được dùng để mô tả dấu hiệu của một tội phạm cụ thể mà căn cứ vào đó ta có thể phân biệt tội này với tội khác. Tình tiết định tội là tình tiết thực tế của vụ án cụ thể, phản ánh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và những đặc điểm riêng biệt của hành vi phạm tội, được sử dụng định để xác định hành vi phạm tội của người phạm tội trong vụ án đó có phù hợp với các dấu hiệu định tội được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể hay chưa, đã phạm tội gì, với vai trò như thế nào và ở giai đoạn nào của tội phạm?

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS là tình tiết ảnh hưởng đến mức

TNHS của trường hợp phạm tội cụ thể theo hướng làm tăng lên hoặc giảm đi so với trường hợp bình thường. Nói lên mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong cùng một tội phạm. Do đó, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS chỉ có ý nghĩa làm tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS trong phạm vi một khung hình phạt. Các tình tiết này không có ý nghĩa trong việc định tội mà nó chỉ có ý nghĩa trong việc lượng hình.

Các tình tiết là dấu hiệu định tội được quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản tội phạm cụ thể trong phần các tội phạm của BLHS, còn các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại phần chung của BLHS.

Phân biệt tình tiết tăng nặng TNHS với tình tiết là dấu hiệu định khung:

Tình tiết định khung hình phạt là những tình tiết của tội phạm phù hợp và thỏa mãn dấu hiệu định khung hình phạt của những tội phạm cụ thể. Do tính đa dạng của tội phạm nên trong thực tế có các trường hợp phạm tội thuộc cùng một tội danh, tuy có cùng những đặc điểm đặc trưng nhất định nhưng vẫn có sự khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần có những khung hình phạt khác nhau để đảm bảo có sự phân hóa TNHS trong điều luật nhằm tạo điều kiện cho việc cá thể hóa TNHS trong thực tiễn áp dụng. Nếu chỉ có một khung hình phạt thì khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa của khung sẽ rất lớn mới có thể phù hợp với các trường hợp phạm tội trong thực tế nên bên cạnh cấu thành tội phạm cơ bản, nhà làm luật còn quy định thêm các dấu hiệu của tội phạm phản ánh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hoặc thấp với những khung hình phạt nặng hơn hoặc nhẹ hơn so với khung hình phạt cơ bản. Những dấu hiệu này được gọi là dấu hiệu định khung hình phạt. Khi những tình tiết của tội phạm không những thỏa mãn dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản mà còn thỏa mãn dấu hiệu của cấu thành tội phạm tăng nặng hoặc giảm nhẹ sẽ cho phép chuyển khung hình phạt áp

dụng đối với người phạm tội từ khung hình phạt của cấu thành tội phạm cơ bản sang khung hình phạt của cấu thành tội phạm tăng nặng hoặc giảm nhẹ. Các tình tiết đó được gọi là tình tiết định khung hình phạt.

Tình tiết định khung hình phạt là ranh giới phân biệt mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một phạm vi tội phạm cụ thể. Các tình tiết là dấu hiệu định khung hình phạt phần lớn về thực chất là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS được quy định là cấu thành tội phạm nhưng là cấu thành tội phạm khác loại, đó là cấu thành tội phạm tăng nặng hoặc giảm nhẹ. Trong đó cấu thành tội phạm tăng nặng là cấu thành tội phạm có một hoặc một số tình tiết khác ngoài những tình tiết đã được quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản mà khi những tình tiết này xuất hiện thì nó làm cho tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nguy hiểm hơn so với trường hợp bình thường không có tình tiết này. Vì vậy, cấu thành tội phạm tăng nặng bao giờ cũng có khung hình phạt nặng hơn so với cấu thành tội phạm cơ bản.

Sự khác biệt cơ bản giữa các tình tiết tăng nặng TNHS với tình tiết định khung ở chỗ là khi các tình tiết định khung hình phạt xuất hiện trong tội phạm thì đó là cơ sở để chuyển khung hình phạt từ cấu thành tội phạm cơ bản sang cấu thành tội phạm tăng nặng. Còn các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của tội phạm, nếu nó xuất hiện thì chỉ là cơ sở để cá thể hóa hình phạt sau khi đã định tội danh và định khung hình phạt chứ không phải là căn cứ để chuyển khung hình phạt. Các tình tiết tăng nặng TNHS là ranh giới phân biệt mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt đã xác định. Do vậy, các tình tiết này có ý nghĩa trong việc lượng hình khi nó xuất hiện trong một tội phạm cụ thể.

1.3.2. Những tình tiết đã là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt

Khoản 2 Điều 48 BLHS năm 1999 quy định: “Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng”. Khoản 3 Điều 46 BLHS quy định: “Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt” [18, tr. 72]. BLHS quy định nguyên tắc này nhằm tránh làm xấu đi tình trạng của người phạm tội do việc quyết định một hình phạt quá nặng, hoặc làm giảm đi mục đích, ý nghĩa của hình phạt do việc quyết định hình phạt quá nhẹ, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt thì những tình tiết nào đã là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS để tăng hoặc giảm hình phạt đối với người phạm tội nữa.

Tuy nhiên, trong thực tiễn tội phạm xảy ra rất đa dạng, có sự đan xen giữa những yếu tố đó với nhau nên việc xác định, phân biệt giữa những tình tiết tăng nặng TNHS với tình tiết là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt là không dễ dàng, đòi hỏi Hội đồng xét xử phải tư duy, cân nhắc, xem xét và phân tích thật kỹ càng để có thể quyết định một hình phạt chính xác, có căn cứ và đúng pháp luật.

1.3.3. Chỉ được phép tăng mức hình phạt trong một khung hình phạt

Trong xét xử, khi Tòa án đã xác định hành vi phạm tội của bị cáo thuộc khung hình phạt nào, có mức tối thiểu và tối đa khác nhau tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm của mỗi loại tội phạm khác nhau, thì cho dù có nhiều tình tiết tăng nặng cũng không được quyết định hình phạt vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt đó.

1.3.4. Chỉ được áp dụng các tình tiết tăng nặng kể từ khi BLHS có hiệu lực

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 BLHS năm 1985 cũng như BLHS năm 1999 đều quy định: “Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới... thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành” [16]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 thì có các tình tiết tăng nặng sau đây là tình tiết mới:

- Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;
- Phạm tội có tính chất côn đồ;
- Xâm phạm tài sản Nhà nước;
- Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;
- Lợi dụng tình trạng khẩn cấp, dịch bệnh để phạm tội [18, tr. 71];

Tại Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của TANDTC, VKSNDTC, BTP, BCA hướng dẫn thi hành Điều 7 BLHS năm 1999 và mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội hướng dẫn như sau: *"Tình tiết tăng nặng mới là tình tiết chưa được quy định tại Điều 39 hoặc chưa được quy định là một tình tiết tăng nặng định khung hình phạt trong một điều luật cụ thể quy định về một tội phạm cụ thể của BLHS năm 1985, nay đã được quy định tại Điều 48 hoặc đã được quy định là một tình tiết tăng nặng định khung hình phạt trong một điều luật cụ thể quy định về một tội phạm cụ thể của BLHS năm 1999. Như vậy cần chú ý là không được áp dụng tình tiết tăng nặng mới này đối với người thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 ngày 01-7-2000 mà sau 0 giờ 00 ngày 01-7-2000 mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự".* [31]

Nếu trước ngày BLHS năm 1999 có hiệu lực pháp luật mà người phạm

tội thực hiện tội phạm có một trong các tình tiết trên, mà sau khi BLHS năm 1999 có hiệu lực mới bị phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử thì không được coi các tình tiết trên là tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội.

Kết luận Chương 1

Trong quá trình làm luật, nhà làm luật đã cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng TNHS để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Từ lý luận chung về các tình tiết tăng nặng TNHS, thấy rằng việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 khi xem xét quyết định hình phạt cần phải tuân thủ đúng quy định của điều luật cũng như các yêu cầu về nguyên tắc áp dụng, các căn cứ cũng như các vấn đề có liên quan khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Việc xem xét, cân nhắc để áp dụng chính xác các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án hình sự cụ thể và đối với mỗi người phạm tội cụ thể chính là đảm bảo sự phù hợp giữa mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội so với mức hình phạt của khung hình phạt tương ứng được quy định tại Điều luật cụ thể của Phần các tội phạm trong BLHS, đồng thời còn phù hợp với các yếu tố khác như: địa điểm phạm tội, hoàn cảnh phạm tội, thời gian phạm tội, không gian phạm tội, công cụ phạm tội, phương tiện phạm tội, phương pháp phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội. Qua đó không những thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự nước ta mà còn đáp ứng được các yêu cầu của nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội, phục vụ cho công tác giáo dục và cải tạo người phạm tội có hiệu quả. Đồng thời, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

2.1. Phạm tội có tổ chức (điểm a, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Khoản 3 Điều 20 của BLHS quy định: “Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm”.
[18, tr. 57]

Như vậy, phạm tội có tổ chức là trường hợp nhiều người cố ý cùng bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện một tội phạm, dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu.

Phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm, có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia, trong đó mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi và phải chịu sự điều khiển của người cầm đầu.

Tại điểm 3 mục I Nghị quyết số 02 ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về các dạng biểu hiện của sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm để coi trường hợp phạm tội cụ thể nào đó là phạm tội có tổ chức như sau:

“Những người đồng phạm đã tham gia vào một tổ chức phạm tội như: Đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ trộm, cướp... có những tên chỉ huy, cầm đầu. Tuy nhiên, cũng có khi tổ chức phạm tội không có những tên chỉ huy, cầm đầu mà chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội đã thống nhất cùng nhau hoạt động phạm tội.

Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước.

Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo,

có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm”. [27]

Phạm tội có tổ chức khác với người tổ chức trong đồng phạm. Người tổ chức trong đồng phạm là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm, giữ vai trò đặc biệt trong một vụ án có đồng phạm. Còn phạm tội có tổ chức lại nói lên quy mô, tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm đã xảy ra. Trong phạm tội có tổ chức, cả người cầm đầu và người thực hành, người giúp sức đều phải chịu TNHS theo tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”.

Phạm tội có tổ chức cũng khác với hành vi “tổ chức” trong một số tội phạm được quy định trong BLHS như: Tội tổ chức tảo hôn (Điều 148); tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197); tội tổ chức đua xe trái phép (Điều 206); tội tổ chức đánh bạc (Điều 249); tội tổ chức cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 275). Trong các trường hợp trên, tổ chức được hiểu là hành vi tổ chức của một người cụ thể, không nhất thiết phải có hành vi đồng phạm hoặc nếu có đồng phạm thì cũng không nhất thiết phải có sự câu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm, tức là một người cũng có thể thực hiện tội phạm. Còn tình tiết “phạm tội có tổ chức” là tình tiết thể hiện sự câu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm trong việc cùng thực hiện một tội phạm. Vì vậy, nếu trường hợp nhiều người câu kết chặt chẽ với nhau để thực hiện các tội phạm trên thì vẫn coi là phạm tội có tổ chức và vẫn phải áp dụng đó là tình tiết tăng nặng TNHS đối với họ khi quyết định hình phạt.

Cần phân biệt phạm tội có tổ chức và tổ chức phạm tội vì đây là hai khái niệm khác nhau. Tổ chức phạm tội là một hình thức cao của phạm tội có tổ chức, tội phạm có tổ chức thường có đông người tham gia hơn, sự câu kết, bàn bạc phạm tội có hệ thống hơn, tổ chức chặt chẽ hơn, thường phạm nhiều tội hơn. Trong thực tiễn xét xử ở nước ta cho thấy ngày càng có nhiều tổ chức

được thành lập nhằm mục đích thực hiện tội phạm theo kiểu băng, ổ, nhóm tội phạm hoặc tổ chức phạm tội theo kiểu xã hội đen như tổ chức phạm tội do Trương Văn Cam (Năm Cam) cầm đầu đã được đưa ra xét xử vào năm 2003. Do đó, mức độ tăng nặng TNHS của tội phạm có tổ chức cao hơn trường hợp phạm tội có tổ chức.

Phạm tội có tổ chức thường là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng, nhất là đối với các tội phạm thuộc loại rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, ví dụ: điểm o, khoản 1, Điều 93 (tội giết người); điểm a, khoản 3, Điều 112 (tội hiếp dâm trẻ em);... Trong một số trường hợp phạm tội có tổ chức còn là tình tiết định tội, ví dụ: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79).

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết phạm tội có tổ chức phụ thuộc vào vai trò của từng người tham gia vào tội phạm và quy mô của vụ án. Mức độ tăng nặng của người chủ mưu, người cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm (người tổ chức) nhiều hơn người giúp sức trong vụ án phạm tội có tổ chức. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, khi đã xác định có người tổ chức thì mức hình phạt của người tổ chức không thể thấp hơn người thực hành, người xúi giục hoặc người giúp sức nếu các tình tiết khác của vụ án là như nhau. Hiện nay có quan niệm cho rằng, áp dụng hình phạt đối với người thực hành cao hơn người tổ chức vì cho rằng người tổ chức không trực tiếp thực hiện tội phạm là chưa thấy hết tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi do người tổ chức thực hiện.

2.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (điểm b, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là việc người phạm tội lấy việc phạm tội là nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính cho mình.

Khái niệm chuyên nghiệp ở đây không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một người, vì không thể coi phạm tội là một nghề kiếm sống, tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ tội phạm đó được lặp đi lặp lại nhiều lần mà người phạm tội coi việc phạm tội đó là phương tiện để kiếm sống. Tuy nhiên không phải hành vi phạm tội nào cứ lặp đi lặp lại nhiều lần đều coi là có tính chất chuyên nghiệp mà chỉ những hành vi phạm tội mà người phạm tội coi đó là phương tiện kiếm sống thì mới có tính chất chuyên nghiệp.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần đều giống nhau ở điểm là người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (từ hai lần trở lên), nhưng khác nhau ở chỗ: trường hợp phạm tội nhiều lần thì người phạm tội không lấy việc phạm tội làm phương tiện kiếm sống và họ chỉ phạm một tội, nhưng tội phạm đó được thực hiện nhiều lần. Còn đối với trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì người phạm tội có thể phạm một tội với nhiều lần khác nhau nhưng lại lấy việc phạm tội đó là phương tiện kiếm sống.

Tại mục 5 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 48 và một số điều luật trong Phần các tội phạm của BLHS như sau:

Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xoá án tích.

Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Khi áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", cần phân biệt:

Đối với trường hợp phạm tội từ năm lần trở lên mà trong đó có lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị áp dụng cả ba tình tiết là "phạm tội nhiều lần", "tái phạm" (hoặc "tái phạm nguy hiểm") và "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp".

Đối với tội phạm mà trong điều luật có quy định tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là tình tiết định khung hình phạt thì không được áp dụng tình tiết đó là tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại Điều 48 của BLHS. Trường hợp điều luật không có quy định tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt thì phải áp dụng là tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại Điều 48 của BLHS. [30]

Như vậy, chỉ bị coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong trường hợp người phạm tội cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hay chưa được xóa án tích, đồng thời đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Trường hợp người phạm tội cố ý phạm nhiều tội, nếu cộng tất cả những lần phạm tội của mỗi tội thì hơn năm lần nhưng mỗi tội chưa đến năm lần thì chưa bị coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ chuyên nghiệp, thời gian hoạt động phạm tội, mức độ thu nhập bằng con đường phạm tội.

2.3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội (điểm c, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội là trường hợp do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi phạm tội đó có liên quan trực tiếp

đến chức vụ, quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn đó thì họ khó có thể thực hiện việc phạm tội; chức vụ, quyền hạn là điều kiện thuận lợi để người phạm tội thực hiện tội phạm một cách dễ dàng. Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ.

Người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội thì mới bị coi là có tình tiết tăng nặng. Nếu tội phạm do họ thực hiện không có liên quan gì đến chức vụ, quyền hạn của họ thì dù họ có chức vụ, quyền hạn gì cũng không bị coi là có tình tiết tăng nặng này. Ví dụ: C là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân của huyện H, do có mâu thuẫn với anh D khi đi uống rượu nên C đã dùng vỏ chai rượu đập vào đầu anh D gây thương tích. Trong trường hợp này, hành vi của C không thể coi là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội được.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ được áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS khi nó không phải là tình tiết định tội hoặc khung hình phạt đã được quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể. Nếu tình tiết “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” đã được quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì khi quyết định hình phạt Tòa án không được coi đó là tình tiết tăng nặng TNHS nữa. Ví dụ: Điểm c, khoản 2, Điều 121 (Tội làm nhục người khác) quy định là tình tiết định khung hình phạt; Điều 281 (Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ), Điều 283 (Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi), Điều 303 (Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật) quy định là tình tiết định tội.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ ảnh hưởng và hệ quả của hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn mà người phạm tội sử dụng

vào việc thực hiện tội phạm.

2.4. Phạm tội có tính chất côn đồ (điểm d, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp khi phạm tội, người phạm tội rõ ràng đã coi thường những nguyên tắc trong cuộc sống, có những hành vi ngang ngược, càn quấy, bất chấp sự can ngăn của người khác, chỉ vì những nguyên cớ nhỏ nhặt, nhưng cũng cố tình gây sự để phạm tội.

Tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS đối với một số tội xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người như: Tội bức tử (Điều 100); Tội đe dọa giết người (Điều 103); Tội hành hạ người khác (Điều 110); Tội làm nhục người khác (Điều 121),... hoặc các tội xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của công dân như: Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123); Tội xâm phạm chỗ ở của công dân (Điều 124). Hoặc các tội xâm phạm sở hữu như: Tội cướp tài sản (Điều 133); Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134); Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135),... hoặc một số tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính như: Tội đua xe trái phép (Điều 207); Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245); Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257),...

Tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ cũng là tình tiết định tội, hoặc định khung tăng nặng của một số tội như: Tội giết người (điểm n, khoản 1, Điều 93); Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điểm i khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 104)... Do đó, khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội thuộc các trường hợp này thì không coi tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nữa.

2.5. Phạm tội vì động cơ đê hèn (điểm đ, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm với động cơ rất xấu xa, thấp hèn, đáng khinh bỉ, không kể gì đến danh dự, nhân phẩm, tư cách của một con người. Động cơ phạm tội mang tính hèn

nhất, bội bạc, phản trắc, ích kỷ.

Phạm tội vì động cơ đê hèn chủ yếu xảy ra đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và các tội xâm phạm đến các quyền tự do, dân chủ của công dân.

Tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn ngoài việc được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt còn được áp dụng là tình tiết định khung của một số tội phạm như: Tội giết người (điểm q, khoản 1, Điều 93); Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (điểm c, khoản 2, Điều 120); Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (điểm c, khoản 2, Điều 200).

Đối với tội giết người vì động cơ đê hèn, thực tiễn xét xử đã coi những trường hợp giết người sau đây là giết người vì động cơ đê hèn:

- Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc lấy chồng khác;
- Giết chồng để lấy vợ hoặc giết vợ để lấy chồng nạn nhân;
- Giết người tình mà biết họ đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm làm cha đứa trẻ;
- Giết chủ nợ để trốn nợ;
- Giết thuê;
- Giết người là ân nhân của mình.

Trong các trường hợp trên, BLHS năm 1999 đã quy định một số trường hợp giết người vì động cơ đê hèn mà thực tiễn đã tổng kết là các tình tiết định khung hình phạt đối với tội giết người và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác. Ví dụ: Giết thầy giáo, cô giáo của mình; giết người thuê là tình tiết được quy định tại điểm đ và điểm m, khoản 1, Điều 93 BLHS.

Từ thực tiễn xét xử đã được tổng kết đối với tội giết người, chúng ta có thể xác định tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn đối với tội khác, tùy thuộc

vào động cơ phạm tội của người phạm tội. Ví dụ: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe đối với người tình mà biết là họ có thai với mình để ép buộc họ phá thai nhằm trốn tránh trách nhiệm làm cha đứa trẻ; hiếp dâm hoặc cưỡng dâm con của người mà mình có mâu thuẫn để trả thù; cố ý gây thương tích cho người yêu cũ của mình bằng cách tạt axit làm xấu xí diện mạo để trả thù vì đã yêu người khác; vu khống người khác để tranh giành chức vụ mà người đó đang đảm nhiệm hoặc sắp đảm nhiệm...

Việc xác định động cơ đê hèn của người phạm tội phải gắn với hành vi tội phạm mà người đó thực hiện. Tính chất đê hèn không phải ở hành vi phạm tội mà ở động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan của cấu thành nên rất khó xác định. Do đó, khi người phạm tội không khai thật động cơ phạm tội của mình thì cần xem xét, đánh giá tất cả các tình tiết khách quan của vụ án, mối quan hệ gia đình và xã hội giữa người phạm tội với người bị hại và những người thân của người bị hại... Trên cơ sở đó mà xác định người thực hiện hành vi phạm tội thực hiện hành vi tội phạm có vì động cơ đê hèn hay không? Nếu không có căn cứ để xác định người phạm tội thực hiện tội phạm với động cơ đê hèn thì không nên gò ép theo kiểu võ đoán, quy chụp cho người phạm tội.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ xấu xa, bội bạc, phản trắc, ích kỷ đã thúc đẩy người phạm tội thực hiện tội phạm.

2.6. Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng (điểm e, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là quyết tâm thực hiện ý định phạm tội của mình, mặc dù có sự can ngăn của người khác hoặc có những cản trở khác trong quá trình thực hiện tội phạm, thể hiện sự quyết tâm phạm tội cao, thực hiện bằng được hành vi phạm tội để đạt được mục đích đã đề ra.

Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là thể hiện quyết tâm phạm tội của người phạm tội, nên không phụ thuộc vào việc người phạm tội có đạt được

mục đích phạm tội hay không. Trường hợp người phạm tội không đạt được mục đích vẫn có thể bị coi là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng.

Cũng có trường hợp người phạm tội có quyết tâm thực hiện tội phạm nhưng lại không phải là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng vì trong quá trình thực hiện tội phạm họ không bị sự cản trở nào, hoặc sự cản trở là không đáng kể. Ví dụ: X có ý định đặt bom vào nhà của Y để giết Y, X đã hai lần đem bom đến khu vực gần nhà Y chờ thời cơ để đặt bom nhưng do nhà của Y ở khu vực đông người qua lại nên chưa đặt được. Đến lần thứ ba, lợi dụng lúc trời mưa lớn nên X mới đặt được bom vào nhà của Y, hậu quả bom nổ làm Y bị chết và 2 người nhà của Y bị thương.

Dấu hiệu có sự cản trở là yếu tố quan trọng để xác định người phạm tội có cố tình thực hiện tội phạm đến cùng hay không. Nếu người phạm tội có ý định phạm tội và quyết tâm thực hiện tội phạm nhưng trong quá trình thực hiện tội phạm không có sự cản trở thì cũng không phải là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Trong BLHS năm 1999 không có trường hợp nào quy định cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là tình tiết định khung hình phạt, chỉ có trường hợp quy định là tình tiết định tội đối với “Tội chiếm giữ tài sản trái phép” (Điều 141).

Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng và cố ý phạm tội đều giống nhau ở chỗ: người phạm tội đều nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra nhưng cố tình thực hiện tội phạm đến cùng thì người phạm tội có quyết tâm phạm tội cao hơn, mặc dù đã có sự ngăn cản hoặc có sự răn đe của pháp luật (đã bị xử phạt hành chính) nhưng người phạm tội vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào quyết tâm thực hiện tội phạm và những cản trở mà kẻ phạm tội vấp phải. Nếu quyết tâm càng cao, cản trở càng lớn mà kẻ phạm tội vẫn cố tình thực hiện tội phạm thì mức độ

tăng nặng càng nhiều.

2.7. Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm (điểm g, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Phạm tội nhiều lần:

Phạm tội nhiều lần là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm từ hai lần trở lên và mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội đều cấu thành một tội phạm độc lập, nhưng tất cả các lần phạm tội đều được xét xử trong cùng một bản án.

Phạm tội nhiều lần là người phạm tội có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hành vi đó chỉ cấu thành một tội, xâm phạm đến cùng một khách thể trực tiếp và chưa được đưa ra truy tố, xét xử.

Nếu người phạm tội có nhiều lần thực hiện tội phạm nhưng mỗi lần chưa đến mức cấu thành tội phạm mà phải nhiều lần mới cấu thành tội phạm thì không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần.

Nếu người phạm tội nhiều lần thực hiện tội phạm nhưng mỗi lần lại cấu thành các tội phạm khác nhau thì không phải là phạm tội nhiều lần mà là phạm nhiều tội. Phạm nhiều tội không phải là tình tiết tăng nặng TNHS, vì khi quyết định hình phạt, Tòa án đã quyết định hình phạt đối với từng tội và sau đó tổng hợp thành hình phạt chung.

Phạm tội nhiều lần cũng khác với phạm tội liên tục, phạm tội liên tục là do một loạt hành vi phạm tội cùng loại, xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian tạo thành, nhằm đạt tới mục đích phạm tội. Trong một loạt hành vi ấy, nếu tách ra thì có hành vi đã cấu thành tội phạm, có hành vi chưa cấu thành tội phạm nhưng tổng hợp lại thì đó là tội phạm thống nhất.

Nếu hành vi phạm tội của bị cáo đã bị xử lý, không kể bị xử lý bằng hình thức gì (đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật) thì không tính lần phạm tội đó vào lần phạm tội sau để coi bị cáo phạm tội

nhiều lần.

Trường hợp Viện kiểm sát không truy tố hành vi phạm tội cùng với tội bị đưa ra xét xử, hoặc tách thành một vụ án khác thì cũng không coi là phạm tội nhiều lần.

Phạm tội nhiều lần không có trường hợp nào được quy định là tình tiết định tội mà chỉ quy định là tình tiết định khung hình phạt trong BLHS. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào số lần phạm tội của bị cáo bị truy tố, xét xử và mức độ nghiêm trọng của tội phạm mà mỗi lần bị cáo thực hiện.

Tái phạm:

Khoản 1, Điều 49 BLHS quy định: “Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý”. [18, tr. 72]

Khái niệm về tái phạm theo BLHS năm 1999 có những đặc điểm sau:

- Người phạm tội đã bị kết án, tức là người có bản án kết tội của Tòa án, không phụ thuộc vào việc bản án đã có hiệu lực pháp luật hay chưa. Vì vậy, ngay khi có bản án kết tội mà người đó lại phạm tội mới do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý thì được coi là tái phạm. Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không có tội, miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp đối với bị cáo thì bản án ghi nhận người phạm tội tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm được xét xử lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Tội phạm đã bị kết án là một tội phạm bất kỳ được quy định trong BLHS, không nhất thiết phải là tội cùng loại, cùng tính chất với tội đang bị xét xử, không phân biệt tội đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng, tội đó được thực hiện do vô ý hay cố ý.

- Tội phạm mà người phạm tội trước đó đã bị kết án, không phân biệt họ

bị áp dụng hình phạt gì trong hệ thống hình phạt. Quy định này hoàn toàn khác với BLHS năm 1985, BLHS năm 1985 chỉ quy định người phạm tội đã bị phạt tù còn các hình phạt khác như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ thì không được tính để coi lần phạm tội sau là tái phạm. Do quy định như vậy nên về lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử, không lý giải được trường hợp một người bị kết án tử hình nhưng trong thời gian bản án tử hình chưa được thi hành thì họ phạm tội mới, vậy có tính để coi lần phạm tội sau khi bị kết án tử hình là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm không? BLHS năm 1999 đã khắc phục được sự hạn chế này và quy định “đã bị kết án” là hoàn toàn chính xác và khoa học.

- Chưa được xóa án tích là chưa đủ những điều kiện theo quy định từ Điều 63 đến Điều 67 Chương IX của BLHS về xóa án tích. Nhà làm luật không quy định tội phạm đã bị kết là tội gì và bị xử phạt như thế nào, nhưng điều kiện bắt buộc là việc kết án đó phải phát sinh án tích. Vì vậy, một người bị kết án nhưng được miễn TNHS theo Điều 25, miễn hình phạt hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp như buộc chữa bệnh, buộc chịu giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng nhưng sau đó lại phạm tội mới thì không phải là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

- Tội mới mà người phạm tội thực hiện phải là tội do cố ý (không phân biệt là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng), hoặc tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. Quy định này khác với BLHS năm 1985, BLHS năm 1985 quy định tội mới mà người phạm tội thực hiện là tội nghiêm trọng do vô ý thì mới coi là tái phạm. Do đó, theo quy định của BLHS năm 1999, nếu tội mới mà người phạm tội thực hiện là tội nghiêm trọng do vô ý thì không bị coi là tái phạm.

- Nếu án đã tuyên đối với người phạm tội là người chưa thành niên chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm

(khoản 6, Điều 69 BLHS năm 1999). Vì vậy, một người phạm tội mới trong thời gian có án tích, nhưng tội cũ được thực hiện khi người đó chưa đủ 16 tuổi thì không được coi là người đó đã phạm tội để xác định tái phạm hay tái phạm nguy hiểm.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà bị cáo đã bị xử phạt cũng như tội phạm mà bị cáo đang bị xét xử.

Tái phạm nguy hiểm:

Khoản 2, Điều 49 BLHS quy định những trường hợp sau được coi là tái phạm nguy hiểm:

“Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý”. [18, tr. 72]

So với trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 40 BLHS năm 1985, thì BLHS năm 1999 quy định về tái phạm nguy hiểm có một số điểm khác như sau:

- BLHS năm 1985 quy định “đã bị phạt tù về tội nghiêm trọng” thì BLHS năm 1999 quy định “đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng”.

- BLHS năm 1985 quy định “mà lại phạm tội nghiêm trọng” thì BLHS năm 1999 quy định “mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng”.

- BLHS năm 1985 quy định “mà lại phạm tội ít nghiêm trọng do cố ý hoặc tội nghiêm trọng” thì BLHS 1999 quy định “mà lại phạm tội do cố ý”.

Như vậy, tái phạm nguy hiểm theo BLHS năm 1999 có những đặc điểm sau:

- Đã hai lần phạm tội đều là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, hoặc một trong hai lần đó là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, trong đó có một lần đã bị kết án.

- Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý, không phân biệt đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng.

Như vậy, để thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì các tội phạm mới được thực hiện đều phải là do lỗi cố ý. Điều này thể hiện tính nguy hiểm rất cao về nhân thân người phạm tội là cố tình không tiếp thu các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước để giáo dục, cải tạo cho tốt, trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục cố ý phạm tội.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà người phạm tội bị kết án cũng như tội phạm mà người phạm tội đang bị xét xử. Ngoài ra, mức độ tăng nặng còn phụ thuộc vào tính chất tái phạm nguy hiểm. Nếu đã tái phạm nguy hiểm nay lại tái phạm nguy hiểm nữa thì mức độ tăng nặng nhiều hơn. So với tình tiết tái phạm thì tình tiết tái phạm nguy hiểm bao giờ mức độ tăng nặng cũng nhiều hơn.

2.8. Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác (điểm h, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Phạm tội đối với trẻ em:

Phạm tội đối với trẻ em là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác mà trẻ em có theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 1 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì “trẻ em là

công dân Việt Nam dưới 16 tuổi” [21]. Phạm tội đối với trẻ em được nhà làm luật quy định là tình tiết tăng nặng TNHS xuất phát từ quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai của đất nước, bảo vệ lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời bảo vệ những người không có khả năng tự vệ.

Phạm tội đối với trẻ em không chỉ là tình tiết tăng nặng TNHS mà còn được quy định là tình tiết định tội (Điều 112 – Tội hiếp dâm trẻ em, Tội cưỡng dâm trẻ em – Điều 114, Điều 116 – Tội dâm ô đối với trẻ em, ...) hoặc định khung hình phạt (Điều 103 – Tội đe dọa giết người, Điều 104 – Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Điều 134 – Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, ...). Vì vậy, nếu BLHS đã quy định đây là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt thì không được áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt.

Khi áp dụng tình tiết phạm tội đối với trẻ em thì việc xác định tuổi của người được xác định là trẻ em là một yêu cầu bắt buộc của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Phạm tội đối với trẻ em không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội mà là tình tiết khách quan, do đó không cần người phạm tội phải nhận thức được hoặc buộc họ phải nhận thức được đối tượng mà họ xâm phạm là trẻ em thì mới coi là tình tiết tăng nặng, mà chỉ cần xác định người mà người phạm tội xâm phạm là trẻ em thì người phạm tội đã bị coi là phạm tội đối với trẻ em.

Không phải bất cứ tội phạm nào xâm phạm đến trẻ em đều bị coi là phạm tội đối với trẻ em, mà chỉ đối với các tội phạm do cố ý, còn đối với các tội phạm do vô ý thì dù người bị xâm phạm là trẻ em cũng không coi là phạm tội đối với trẻ em. Tại mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn về

tình tiết phạm tội đối với trẻ em như sau: “chỉ áp dụng các tình tiết này đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người phạm tội có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ em”. [30]

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào độ tuổi của người bị hại và sự chênh lệch về tuổi giữa người phạm tội với người bị hại. Nếu trẻ em càng ít tuổi, sự kháng cự càng yếu ớt thì mức tăng nặng càng nhiều.

Phạm tội đối với phụ nữ có thai:

Phạm tội đối với phụ nữ có thai là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác của người phụ nữ đang có thai.

Tại mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn: "Phụ nữ có thai" được xác định bằng các chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Trong trường hợp thực tế khó nhận biết được người phụ nữ đó đang có thai hay không hoặc giữa lời khai của bị cáo và người bị hại về việc này có mâu thuẫn với nhau thì để xác định người phụ nữ đó có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định". [30]

Người phụ nữ có thai là đối tượng được pháp luật bảo vệ đặc biệt. BLHS quy định nếu người phạm tội là phụ nữ có thai thì sẽ được giảm nhẹ TNHS (điểm 1, khoản 1, Điều 46) và nếu người bị hại là phụ nữ có thai thì đây lại là tình tiết tăng nặng TNHS đối với người phạm tội.

Phạm tội đối với phụ nữ có thai chỉ áp dụng đối với những trường hợp phạm tội do cố ý, đây không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người

phạm tội, nên không yêu cầu người phạm tội phải biết người mà hành vi phạm tội của mình xâm phạm đang có thai thì mới coi là tình tiết tăng nặng TNHS. Trường hợp phạm tội đối với phụ nữ có thai khác với trường hợp phạm tội đối với phụ nữ mà biết là đang có thai được quy định tại một số điều luật (điểm b, khoản 1, Điều 93; điểm d, khoản 2, Điều 197; điểm đ, khoản 2, Điều 200). Do đó, chỉ cần xác định người phụ nữ bị xâm hại đang có thai thì người phạm tội phải chịu tình tiết này.

Phạm tội đối với phụ nữ có thai chủ yếu quy định là tình tiết tăng nặng TNHS. Chỉ có một số trường hợp tình tiết này là yếu tố định khung hình phạt như: điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 104; điểm a khoản 2 Điều 110. Ngoài tội “Phá thai trái phép” quy định tại Điều 243 BLHS thì không có trường hợp nào nhà làm luật quy định phạm tội đối với phụ nữ có thai là yếu tố định tội.

Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với người phạm tội chỉ cần xác định được người bị xâm hại phải là phụ nữ đang có thai mà không kể cái thai đó ở tháng thứ mấy. Việc xác định người phụ nữ có thai hay không phải có xác nhận của Hội đồng giám định y khoa hoặc của bác sĩ chuyên khoa.

Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội đối với phụ nữ có thai đối với các tội xâm phạm đến người phụ nữ có thai khi hành vi của người phạm tội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường của thai nhi vì trong thực tiễn có trường hợp người bị xâm phạm là phụ nữ có thai nhưng khi họ bị xâm phạm không bị ảnh hưởng gì đến thai nhi mà họ đang mang (ví dụ: hành vi trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà người bị hại là phụ nữ có thai).

Phạm tội đối với người già:

Phạm tội đối với người già là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của

người già. Phạm tội đối với người già là phạm tội đối với người từ 70 tuổi trở lên. Nếu phạm tội đối với người chưa đến 70 tuổi thì không coi là phạm tội đối với người già.

Xuất phát từ chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta là bảo vệ, chăm sóc người già, vừa là chuẩn mực đạo đức xã hội, vừa là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Phạm tội đối với người già, người phạm tội đã xâm phạm đến những người mà lẽ ra phải được tôn trọng, xâm phạm đến những người mà khả năng chống cự, bảo vệ bị hạn chế, đồng thời xâm phạm đến đạo đức xã hội, truyền thống dân tộc và chính sách của Đảng và Nhà nước. Do đó, Luật hình sự Việt Nam quy định phạm tội đối với người già là một tình tiết tăng nặng TNHS là hoàn toàn hợp lý.

Tình tiết phạm tội đối với người già không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội, nên không đòi hỏi người phạm tội phải biết người mà mình xâm phạm là người già thì mới coi là tình tiết tăng nặng, chỉ cần xác định tuổi của người bị xâm hại để xem đó có phải là người già hay không, thì người phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng này, không kể người phạm tội có biết hay không biết người bị xâm hại là người già.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào độ tuổi của nạn nhân. Tuy không phải là yếu tố bắt buộc, nhưng Toà án vẫn coi tình trạng sức khỏe của nạn nhân có ý nghĩa xác định mức độ tăng nặng của tình tiết này. Tuổi của nạn nhân càng cao, sức khỏe càng yếu thì mức tăng nặng càng cao và ngược lại. Nếu người già là người có uy tín trong xã hội, được mọi người kính trọng đặc biệt hơn thì mức tăng nặng TNHS đối với người phạm tội cũng nhiều hơn.

Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được:

Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm,

danh dự và các quyền khác của người đang ở trong tình trạng không thể tự vệ được.

Người ở trong tình trạng không thể tự vệ được là người do bản thân họ bị hạn chế về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi do bẩm sinh hoặc do những điều kiện khách quan đem lại, như người bị tâm thần, bị bại liệt, bị mù, bị điếc, bị câm, bị tàn tật, ... người đang ngủ say, đang bị bệnh nặng, người say rượu, đang ở vào tình thế khó khăn không thể tự vệ được, ...

Đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già cũng có những trường hợp ở trong tình trạng không thể tự vệ được nhưng pháp luật đã quy định thành những tình tiết tăng nặng riêng. Vì vậy, trong trường hợp cụ thể nào đó mà trẻ em, phụ nữ có thai hay người già bị xâm phạm trong tình trạng không thể tự vệ được thì mức tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội nhiều hơn trường hợp không phải trong tình trạng này.

Khi xác định người phạm tội có chịu tình tiết tăng nặng này hay không, Toà án cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chứ không chỉ căn cứ vào khả năng không thể tự vệ được của nạn nhân mà đã vội kết luận là bị cáo đã phạm tội trong trường hợp tăng nặng này.

Tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân phải xảy ra lúc người phạm tội thực hiện tội phạm, không kể người phạm tội có ý thức lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân để phạm tội hay không. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào khả năng tự vệ của nạn nhân nhiều hay ít. Nếu khả năng tự vệ hoàn toàn bị mất thì mức độ tăng nặng nhiều hơn trường hợp nạn nhân còn ít khả năng tự vệ được.

Phạm tội đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác:

Phạm tội đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính

mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của người bị lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hay các mặt khác.

Dấu hiệu đặc trưng để nhận biết người phạm tội có phải chịu tình tiết tăng nặng này hay không là mối quan hệ lệ thuộc giữa người phạm tội và người bị hại. Trong đó, người bị hại là người bị lệ thuộc vào người phạm tội. Sự lệ thuộc này có thể là về mặt vật chất (người làm thuê với ông chủ, con nợ với chủ nợ, ...); về mặt tinh thần (con với bố mẹ, con nuôi với cha mẹ nuôi, ...); về mặt công tác (thủ trưởng với nhân viên ...) hoặc các mặt khác như: học sinh với thầy giáo, thầy thuốc và bệnh nhân, ... Sự lệ thuộc này phải có tính chất rõ rệt, có sự ràng buộc giữa người bị hại với người phạm tội. Nếu không có sự ràng buộc này thì không thuộc tình tiết tăng nặng này.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mối quan hệ lệ thuộc giữa nạn nhân với người phạm tội và nghĩa vụ của người phạm tội với nạn nhân. Nếu mối quan hệ càng sâu sắc, nghĩa vụ của người phạm tội đối với nạn nhân càng lớn thì mức tăng nặng càng cao và ngược lại.

2.9. Xâm phạm tài sản của Nhà nước (điểm i, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Xâm phạm tài sản của Nhà nước là trường hợp người phạm tội đã gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. BLHS năm 1985 không quy định trường hợp phạm tội này là tình tiết tăng nặng TNHS vì đã dành cả một chương để quy định về các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Trong đó quy định cũng một hình thức xâm phạm nhưng nếu xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa thì người phạm tội phải chịu mức hình phạt cao hơn so với xâm phạm tài sản của công dân. BLHS năm 1999 không quy định một chương riêng về các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, mà chỉ quy định hành vi “xâm phạm tài sản của Nhà nước” là một tình tiết tăng nặng TNHS. Việc BLHS năm 1999 quy định tình tiết “xâm phạm tài sản của Nhà nước” là một tình tiết tăng nặng TNHS xuất phát từ vai trò, vị trí, tầm quan trọng và ý nghĩa của hình thức sở

hữu nhà nước trong nền kinh tế nước ta cần phải được bảo vệ đặc biệt.

Tình tiết xâm phạm tài sản của Nhà nước chủ yếu được áp dụng đối với những trường hợp phạm tội có tính chất chiếm đoạt. Tuy nhiên, cũng có trường hợp áp dụng đối với cả hành vi không có tính chất chiếm đoạt như chiếm giữ trái phép tài sản, huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và giá trị tài sản của Nhà nước bị xâm phạm, giá trị tài sản càng lớn thì mức độ tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

2.10. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (điểm k, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng:

Hậu quả của tội phạm là những thiệt hại do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra. Hậu quả nghiêm trọng là những thiệt hại do tội phạm gây ra lớn hơn so với mức bình thường.

Chúng ta không thể quy định một cách máy móc, một cách cứng nhắc hậu quả của tội phạm như thế nào là ở mức bình thường chung cho tất cả các tội phạm, vì vậy khi xác định hậu quả của tội phạm như thế nào là bình thường phải căn cứ vào từng cấu thành tội phạm cụ thể. Điều này phù hợp với nguyên tắc cá thể hoá hình phạt là khi quyết định hình phạt chỉ được lựa chọn mức hình phạt trong phạm vi một khung hình phạt.

Hậu quả của tội phạm không chỉ là những thiệt hại về vật chất mà còn có những thiệt hại phi vật chất. Vì vậy, có trường hợp tuy thiệt hại về vật chất không phải là nghiêm trọng nhưng xét về các mặt khác vẫn coi là hậu quả nghiêm trọng.

Ví dụ: Một người cướp giật của người đi xe gắn máy sợi dây chuyền trị giá 1.500.000 đồng. Nếu xét về giá trị thì chưa là hậu quả nghiêm trọng,

nhưng vì bị cướp giật bất ngờ nên người đó bị ngã xe dẫn đến tử vong gây hậu quả nghiêm trọng (hoặc rất nghiêm trọng).

Tóm lại, khi xác định hậu quả có nghiêm trọng hay không phải căn cứ vào những thiệt hại do hành vi phạm tội của người phạm tội gây nên trong một khung hình phạt cụ thể và không chỉ có căn cứ vào những hậu quả về vật chất mà phải xét đến những hậu quả về tinh thần, về các mặt khác của xã hội.

Mức tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ thiệt hại mà người phạm tội đã gây ra trong một khung hình phạt. Thiệt hại càng nghiêm trọng mức tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng:

BLHS năm 1985 chưa quy định trường hợp phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng là một tình tiết tăng nặng TNHS mà chỉ là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt ở một số tội phạm. Thực tiễn xét xử có một số trường hợp người phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nhưng điều khoản BLHS không quy định đây là yếu tố định khung và cũng không phải là tình tiết tăng nặng TNHS, nên khi quyết định hình phạt, Tòa án chỉ nhận định trong bản án cũng có căn cứ để quyết định hình phạt nặng hơn trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng.

Mặt khác, BLHS năm 1999 có quy định ba mức hậu quả (nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng) nên ngoài việc quy định tình tiết này là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt thì còn quy định là tình tiết tăng nặng TNHS là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu thực tiễn xét xử cũng như cơ cấu của BLHS.

Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng là những thiệt hại do tội phạm gây ra rất lớn, lớn hơn so với mức gây hậu quả nghiêm trọng. Việc xác định như thế nào là hậu quả rất nghiêm trọng phải căn cứ vào hành vi phạm tội cụ thể. Nếu là xâm phạm tính mạng, sức khỏe thì phải căn cứ vào thiệt hại về

tính mạng, sức khỏe. Nếu xâm phạm đến tài sản thì phải căn cứ vào thiệt hại về tài sản ... Ví dụ: Một người gây thiệt hại cho tài sản của người khác có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng là gây hậu quả nghiêm trọng, nhưng nếu gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên là gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Ngoài những thiệt hại về vật chất, còn phải căn cứ vào những thiệt hại khác không phải là vật chất. Ví dụ: X tham ô 75.000.000 đồng là tiền cứu trợ cho đồng bào bị lũ lụt. Nếu xét về giá trị tài sản thì chưa bị coi là phạm tội rất nghiêm trọng, nhưng do hành vi tham ô của X dẫn đến tình trạng của nhân dân trong xã gặp nhiều khó khăn, bị đói và bệnh tật gây ảnh hưởng xấu đến chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

Hậu quả rất nghiêm trọng còn phụ thuộc vào tội phạm được thực hiện do cố ý hay vô ý. Tội phạm được thực hiện do cố ý thì thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thấp hơn thiệt hại do vô ý gây ra.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này còn phụ thuộc vào mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, thiệt hại càng lớn, mức độ tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là trường hợp tội phạm gây ra những thiệt hại đặc biệt lớn, lớn hơn so với mức gây hậu quả rất nghiêm trọng. Việc xác định hậu quả đặc biệt nghiêm trọng phải căn cứ vào thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra trong từng vụ án cụ thể, căn cứ vào lỗi của người phạm tội, vào tính chất của hành vi phạm tội và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Nếu là thiệt hại về tài sản, được coi là gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khi hành vi phạm tội gây thiệt hại từ 500.000.000 đồng trở lên đối với tội do lỗi cố ý và gây thiệt hại 800.000.000 đồng trở lên đối với tội do lỗi vô ý. Đối với thiệt hại về tính mạng thì phải từ 3 người chết trở lên đối với tội do lỗi cố ý và 5 người chết trở lên đối với tội do lỗi vô ý. Đối với những

thiệt hại phi vật chất, được coi là hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khi hành vi phạm tội đã xâm phạm đến nhiều mặt của đời sống xã hội, làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến chính sách của Đảng và Nhà nước trên phạm vi rộng lớn, ảnh hưởng đến việc sản xuất, lưu thông trên một phạm vi rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến lòng tin của nhân dân trên phạm vi rộng đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước mà không thể khắc phục ngay được. Mức độ tăng nặng của tình tiết này cũng phụ thuộc vào những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho xã hội, thiệt hại càng nghiêm trọng thì mức độ tăng nặng càng cao.

2.11. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội (điểm k, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội:

Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng hoàn cảnh có chiến tranh để thực hiện tội phạm. Việc thực hiện tội phạm do lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh có thể được thuận lợi hơn, khó bị phát hiện hoặc có thể đạt được mục đích lớn hơn.

Người phạm tội phải thực sự lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội thì mới được coi là tình tiết tăng nặng. Nếu họ phạm tội trong lúc có chiến tranh nhưng không có ý thức lợi dụng hoàn cảnh đó thì cũng không thuộc trường hợp này. Ví dụ: Trong lúc đang có chiến tranh, A là quân nhân được trang bị súng để chiến đấu, do có mâu thuẫn cá nhân với B nên khi A bị B đánh, vì tức giận A đã về nhà lấy súng bắn B bị thương. Trong trường hợp này, mặc dù đang có chiến tranh nhưng hành vi phạm tội của A không phải là lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội.

Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội không nhất thiết lúc phạm tội hoặc nơi phạm tội phải đang có chiến sự mà chỉ cần người phạm tội lợi

dụng hoàn cảnh chiến tranh để gây án thì dù xảy ra ở đâu, lúc nào thì cũng bị coi là tình tiết tăng nặng TNHS.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ lợi dụng nhiều hay ít và vào hoàn cảnh chiến tranh xảy ra lúc gây án.

Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội:

Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng tình trạng khẩn cấp trong đời sống xã hội để thực hiện hành vi phạm tội.

BLHS năm 1985 chưa quy định trường hợp phạm tội này là tình tiết tăng nặng TNHS, nhưng qua thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp người phạm tội đã lợi dụng tình trạng khẩn cấp để thực hiện hành vi phạm tội, như lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để chiếm đoạt tài sản của người bị nạn. BLHS năm 1999 quy định trường hợp lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn xét xử.

Tình trạng khẩn cấp là tình trạng cấp bách của xã hội và của cá nhân mỗi người, khi ở trong tình trạng đó mọi người đều tập trung vào việc giải quyết để nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng đó. Tình trạng khẩn cấp này không phải là thiên tai, dịch họa hoặc do dịch bệnh gây ra mà do chính con người hoặc do hoàn cảnh xã hội, do cuộc sống gây nên. Tình trạng này chỉ xảy ra trong chốc lát, trong một thời gian nhất định, không kéo dài.

Xét về mặt đạo đức, việc lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội cần phải lên án vì trong tình trạng đó mọi người đang tập trung vào việc giải quyết tình trạng nguy cấp, cứu chữa người bị nạn, cứu tài sản thì người phạm tội lại lợi dụng tình trạng này để thực hiện tội phạm nên động cơ, mục đích là rất xấu, cần phải trừng trị.

Khi xác định người phạm tội có lợi dụng tình trạng khẩn cấp để thực hiện hành vi phạm tội hay không, phải xem họ thực hiện hành vi phạm tội

trong hoàn cảnh nào và hoàn cảnh đó có thực sự là tình trạng khẩn cấp hay không, đồng thời phải xác định người phạm tội phải lợi dụng tình trạng khẩn cấp đó để thực hiện tội phạm thì mới bị coi là “lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội”.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào ý thức lợi dụng và tính chất mức độ của hành vi phạm tội khi lợi dụng tình trạng khẩn cấp.

Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai để phạm tội:

Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng thiên tai để thực hiện tội phạm. Thiên tai là những tai họa do thiên nhiên gây ra, thiên tai bao giờ cũng gây ra những khó khăn cho xã hội. Những khó khăn này phải đáng kể nếu không nói là đặc biệt như bị bão lụt, hạn hán, sóng thần, động đất, ... Người phạm tội phải thực sự lợi dụng những khó khăn do thiên tai gây ra để phạm tội thì mới bị coi là tình tiết tăng nặng TNHS.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ khó khăn nhiều hay ít do thiên tai gây ra và ý thức lợi dụng của người phạm tội đối với khó khăn đó.

Lợi dụng dịch bệnh để phạm tội:

Lợi dụng dịch bệnh để phạm tội là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng những khó khăn do dịch bệnh gây ra để thực hiện tội phạm.

Dịch bệnh là một bệnh truyền nhiễm tràn lan, làm cho nhiều người, nhiều gia súc mắc phải, trong đó có thể có những bệnh nguy hiểm như dịch hạch, dịch tả, dịch SARS nhưng cũng có những bệnh không nguy hiểm như dịch cúm, dịch sốt xuất huyết, ...

BLHS năm 1985 chưa quy định trường hợp lợi dụng dịch bệnh để phạm tội là tình tiết tăng nặng TNHS, nếu trong thực tiễn xét xử gặp trường hợp này thì coi đó là trường hợp lợi dụng những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để

phạm tội. Do nhu cầu phát triển của xã hội và nhu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm, BLHS năm 1999 đã quy định trường hợp lợi dụng dịch bệnh để phạm tội nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử.

Người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để phạm tội chủ yếu đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, nhưng cũng có những trường hợp người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác như tội lây truyền HIV cho người khác (điều 117 BLHS), tội cố ý truyền HIV cho người khác (điều 118 BLHS).

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ của hành vi lợi dụng dịch bệnh để thực hiện hành vi phạm tội của người phạm tội.

Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội:

Ngoài những khó khăn do thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh gây nên còn có những khó khăn đặc biệt khác. Những khó khăn này có thể xảy ra ở từng nơi, vào từng lúc, có thể xảy ra ở một địa bàn rộng, nhưng cũng có thể xảy ra ở một làng, xã, một cơ quan, trường học, ...

Khó khăn đặc biệt thể hiện ở mức độ và phạm vi gây thiệt hại đến người và tài sản. Việc khắc phục đòi hỏi phải tập trung sức người, sức của và phải kịp thời, cấp bách như tai nạn máy bay, tàu biển, tàu hỏa gây chết nhiều người, làm thiệt hại nhiều tài sản; những khó khăn đặc biệt do công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội gây nên mà nhà lập pháp chưa dự tính được.

Người phạm tội phải có ý thức lợi dụng những khó khăn đặc biệt của xã hội để phạm tội thì mới coi là tình tiết tăng nặng. Nếu không có sự lợi dụng thì không thuộc tình tiết tăng nặng này.

Mức độ tăng nặng TNHS ở tình tiết này phụ thuộc vào mức độ lợi dụng nhiều hay ít vào khó khăn cụ thể của xã hội lúc họ thực hiện tội phạm.

2.12. Dùng thủ đoạn xảo quyết, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người (điểm m, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Dùng thủ đoạn xảo quyết, tàn ác phạm tội:

Dùng thủ đoạn xảo quyết khi phạm tội là người phạm tội có những mảnh khỏe che đậy, cách thức gian dối, thâm hiểm làm cho người bị hại khó lường trước để đề phòng như dùng thuốc ngủ, thuốc mê, đầu độc nạn nhân, dùng dây chằng qua đường để làm người đi xe mô tô vấp ngã nhằm cướp tài sản, ...

Dùng thủ đoạn tàn ác phạm tội là người phạm tội có những mảnh khỏe, cách thức độc ác, tàn nhẫn, hoặc gây tác hại cho hàng loạt người không một chút thương xót, như tra tấn cho tới chết, giết người bằng cách mổ bụng, cắt cổ, bắn súng liên thanh hoặc ném lựu đạn vào nơi đông người.

Người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyết, tàn ác phải trong khi thực hiện tội phạm, nếu thủ đoạn này xảy ra sau khi tội phạm đã hoàn thành thì không thuộc trường hợp phạm tội có tình tiết tăng nặng này. Đây là trường hợp sau khi phạm tội đã có những hành động xảo quyết, hung hãn nhằm trốn tránh, che dấu tội phạm được quy định tại điểm o, khoản 1, Điều 48 BLHS.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này tùy thuộc vào tính chất, mức độ xảo quyết, tàn ác của thủ đoạn mà kẻ phạm tội đã thực hiện. Thủ đoạn càng tinh vi, nham hiểm, tàn nhẫn bao nhiêu thì mức độ tăng nặng càng cao.

Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người:

Thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người là những thủ đoạn, phương tiện, phương pháp, công cụ mà khi chúng được thực hiện bởi hành vi phạm tội sẽ gây nguy hại đến nhiều người như ném lựu đạn, bắn súng vào chỗ đông người, bỏ thuốc độc vào giếng nước của gia đình. Thủ đoạn mà người phạm tội thực hiện chỉ cần có khả năng gây nguy hại cho nhiều người đã bị coi là tình tiết tăng nặng rồi, không cần sự nguy hại đó có

thực sự xảy ra hay không.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này tùy thuộc vào mức độ nguy hại của thủ đoạn mà người phạm tội đã thực hiện và khả năng thực tế cũng như hậu quả xảy ra. Thủ đoạn càng nguy hiểm, hậu quả xảy ra càng lớn thì mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự càng nhiều và ngược lại.

2.13. Xúi giục người chưa thành niên phạm tội (điểm n, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Xúi giục người chưa thành niên phạm tội, là hành vi của một người đã kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người chưa đủ 18 tuổi thực hiện tội phạm. Người xúi giục có thể tham gia trong một vụ án có tổ chức hoặc chỉ phạm tội riêng lẻ. Ví dụ: Xúi giục trẻ em đi trộm cắp tài sản, vận chuyển vũ khí, ma túy, ...

Vì người phạm tội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên người xúi giục được coi như kẻ thực hành tội phạm và hành vi phạm tội của họ vẫn bị coi là tăng nặng trong tình tiết này. Nếu người bị xúi giục là người chưa thành niên, nhưng đã đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì tùy thuộc vào từng trường hợp có thể là người cầm đầu hoặc chỉ là người xúi giục. Nếu người xúi giục lại phạm tội có tổ chức thì họ phải chịu cả hai tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức và xúi giục người chưa thành niên phạm tội.

Mức tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào số người bị xúi giục và độ tuổi bị xúi giục. Nếu người bị xúi giục càng nhiều, tuổi của người bị xúi giục càng nhỏ thì mức độ tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

2.14. Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm (điểm o, khoản 1, Điều 48 BLHS)

Hành động xảo quyệt là những việc làm gian dối một cách thâm hiểm, khó mà lường thấy được.

Hành động hung hãn là kẻ phạm tội có hành vi rất dữ tợn, phá phách, đánh giết người để tẩu thoát.

Hành động xảo quyết hoặc hung hãn của người phạm tội là nhằm mục đích trốn tránh, che giấu tội phạm. Những hành động này cản trở hoạt động tư pháp của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, làm cho tội phạm mà người phạm tội thực hiện khó bị phát hiện hoặc có nguy cơ khó phát hiện như sau giết người xong thì rạch mặt nạn nhân cho bị biến dạng để không ai nhận ra, chặt đầu, tay chân nạn nhân rồi đem cất dấu ở nhiều nơi.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ xảo quyết, hung hãn mà người phạm tội thực hiện sau khi phạm tội.

Kết luận Chương 2

Nhận thức và áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS trong thực tiễn xét xử để quyết định hình phạt đối với người phạm tội là rất quan trọng. Việc cân nhắc, đánh giá để áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS thiếu thận trọng khi quyết định mức hình phạt đối với người phạm tội sẽ làm giảm hiệu quả của mục đích mà điều luật hướng tới, tạo nên những khoảng cách giữa các bản án tương tự, sự hoài nghi không đáng có trong nhìn nhận của người dân đối với kết quả xét xử của Tòa án đồng thời làm phát sinh tính tùy tiện trong quá trình xét xử của người tiến hành tố tụng, nhất là thành viên Hội đồng xét xử. Trình độ của người tiến hành tố tụng là rất quan trọng trong việc áp dụng pháp luật nói chung và tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng vì có những loại tình tiết tăng nặng không thể hướng dẫn được. Những trường hợp đã hướng dẫn thì nội dung cũng không thể rõ ràng hoàn toàn được bởi thực tế tội phạm rất đa dạng, phong phú.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự và thực tiễn tại tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 – 2015

3.1.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Qua nghiên cứu số liệu của 100 bản án với 117 bị cáo đã được xét xử trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2010 đến năm 2015 thì tỉ lệ áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS như sau:

- 05 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tổ chức” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 BLHS.

- 06 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 BLHS.

- 02 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Có tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 BLHS.

- 96 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

- 03 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội đối với trẻ em” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS.

- 03 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Xâm phạm tài sản của Nhà nước” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS.

- 02 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 BLHS.

Qua số liệu thực tế các bản án đã xét xử thì việc Tòa án ra bản án áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS để xét xử chiếm tỷ lệ nhiều nhất. Trong đó, phần lớn các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS tái phạm và tái phạm nguy hiểm. Các bản án trên đều không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy hay sửa đổi với việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS. Qua đó, phản ánh sự chấp hành tuân thủ đầy đủ và đúng quy định pháp luật của Tòa án trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

3.1.2. Những khó khăn, vướng mắc trong trong quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng

Việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vào thực tiễn còn gặp nhiều bất cập và hạn chế bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có một số nguyên nhân chính sau đây:

Thứ nhất, các quy định của BLHS còn bất cập, chưa hợp lý, các quy định trong BLHS phản ánh chưa đầy đủ, chưa đúng bản chất, ý nghĩa pháp lý của các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, dẫn đến việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS còn chưa đầy đủ, chưa thể hiện được hết tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, có những tình tiết lại có thể trùng nhau, để một tình tiết có thể coi là được áp dụng hai lần như phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần. Nhiều tình tiết lại được quy định theo lối tùy nghi dễ dẫn đến tùy tiện khi áp dụng.

Một số tình tiết có tính phổ biến nhưng lại chưa được quy định rõ trong BLHS như phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất côn đồ. Do đánh giá sai ý nghĩa pháp lý của một số tình tiết tăng nặng đối với từng trường hợp cụ thể nên việc quy định tình tiết tăng nặng định khung ở một số tội chưa hợp lý dẫn đến rất khó khăn cho người áp dụng, hình phạt đối với người phạm tội có thể

nhiều trường hợp không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà họ gây ra.

Kỹ thuật xây dựng các khung hình phạt tăng nặng trong một số trường hợp còn chưa khoa học dẫn đến khó áp dụng. Ví dụ: quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 111, Điều 112 BLHS về Tội hiếp dâm và Tội hiếp dâm trẻ em.

Thứ hai, phần lớn các tình tiết tăng nặng đều chưa được hướng dẫn đặc biệt là các tình tiết tăng nặng định khung. Một số trường hợp trước đây đã được hướng dẫn thì đến khi BLHS năm 1999 ra đời đã không còn phù hợp. Một số tình tiết thì được hướng dẫn ở nhiều văn bản khác nhau, thiếu tính hệ thống. Đặc biệt, từ khi BLHS năm 1999 ra đời đến nay, chỉ mới có các tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng ở chương các tội xâm phạm sở hữu được hướng dẫn. Bên cạnh đó, việc hướng dẫn của các cơ quan chức năng không phù hợp, không thể hiện đúng bản chất, nội dung của từng tình tiết tăng nặng TNHS cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng không thống nhất trong quá trình áp dụng.

Thứ ba, nguyên nhân cơ bản là trình độ nhận thức và áp dụng pháp luật của những người tiến hành tố tụng còn hạn chế và không đồng đều, dẫn đến việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vào thực tiễn sẽ khó khăn và không chính xác. Bởi vì các tình tiết tăng nặng không phải quy định để nghiên cứu mà là để áp dụng trên thực tế, việc áp dụng ra sao thuộc thẩm quyền của những người tiến hành tố tụng. Việc trình độ của những người tiến hành tố tụng còn hạn chế, không đồng đều sẽ dẫn đến một tình tiết tăng nặng nào đó sẽ được hiểu không đúng hoặc hiểu theo nhiều cách khác nhau, đặc biệt là giữa các cấp xét xử. Thực tế nhiều vụ án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng tình tiết tăng nặng nhưng cấp phúc thẩm lại cho rằng như vậy là sai, đến cấp giám đốc thẩm lại cho rằng áp dụng như cấp sơ thẩm là đúng.

Thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp

Sự phân biệt giữa tình tiết tăng nặng “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” với tình tiết “phạm tội nhiều lần” và “phạm nhiều tội” còn nhiều vướng mắc. Trong thực tiễn xét xử còn tồn tại nhiều quan điểm về việc phân biệt giữa các tình tiết trên, đặc biệt là giữa tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” với tình tiết “phạm tội nhiều lần”.

Hiện nay, trong thực tiễn đa số chấp nhận quan điểm: “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Phạm tội nhiều lần” đều giống nhau ở chỗ người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (từ hai lần trở lên), điểm khác nhau là phạm tội nhiều lần thì người phạm tội không lấy việc phạm tội làm phương tiện kiếm sống và họ chỉ phạm một tội nhưng tội đó được thực hiện nhiều lần. Còn trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì người phạm tội có thể phạm một tội, cũng có thể phạm nhiều tội với nhiều lần khác nhau nhưng lại lấy việc phạm tội làm phương tiện kiếm sống.

Tại mục 2, Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS đã hướng dẫn như sau:

“Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích;

Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Khi áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", cần phân biệt:

Đối với trường hợp phạm tội từ năm lần trở lên mà trong đó có lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị áp dụng cả ba tình tiết là “phạm tội nhiều lần”, “tái phạm” (hoặc “tái phạm nguy hiểm”) và “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”.

Đối với tội phạm mà trong điều luật có quy định tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” là tình tiết định khung hình phạt thì không được áp dụng tình tiết đó là tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại Điều 48 của BLHS. Trường hợp điều luật không có quy định tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt thì phải áp dụng là tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại Điều 48 của BLHS”. [30]

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP thì trường hợp “phạm tội nhiều lần” và “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” người phạm tội đều có ý phạm tội nhiều lần về cùng một tội phạm. Trong trường hợp “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” thì phải là phạm tội về cùng một tội phạm từ năm lần trở lên và không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích. Người phạm tội phải lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả phạm tội làm nguồn sống chính. Còn trường hợp “phạm tội nhiều lần” là người phạm tội thực hiện một tội phạm từ hai lần trở lên và mỗi lần thực hiện thì hành vi đó đã cấu thành tội phạm và tất cả các lần phạm tội đó đều bị xét xử trong cùng một bản án.

Trong trường hợp người phạm tội thực hiện một tội phạm từ năm lần trở lên và mỗi lần đều cấu thành tội phạm thì sự phân biệt giữa tình tiết “phạm tội nhiều lần” và “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” là trong trường hợp “phạm tội nhiều lần” thì người phạm tội không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, còn trường

hợp “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” thì người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Trong thực tiễn, việc xác định căn cứ người phạm tội lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống và kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính khá phức tạp. Ví dụ: X là người không có nghề nghiệp đã thực hiện hơn năm lần phạm tội trộm cắp tài sản (mỗi lần phạm tội đều cấu thành tội phạm), mục đích là để bán tài sản trộm cắp được lấy tiền tiêu xài nhưng bên cạnh đó hàng tháng X vẫn được bố mẹ cho một khoảng tiền để ăn uống vì X chưa có việc làm. Vậy trong trường hợp này có thể xác định X lấy kết quả phạm tội làm nguồn sống chính không thì hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể để áp dụng pháp luật được thống nhất.

Thực tiễn áp dụng tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Cả BLHS năm 1985 và năm 1999 đều không quy định “đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới” thì có bị coi là tái phạm nguy hiểm hay không? Đây là vấn đề về lý luận cũng như trong thực tiễn còn có ý kiến trái ngược nhau. Có ý kiến cho rằng, BLHS không quy định thì không được áp dụng vì nếu áp dụng sẽ làm xấu đi tình trạng của người phạm tội. Có ý kiến cho rằng, trường hợp đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới do cố ý đã bị coi là tái phạm nguy hiểm thì một người đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới càng phải coi là tái phạm nguy hiểm. Cũng có ý kiến cho rằng, trong trường hợp này chỉ coi là tái phạm nguy hiểm nếu người đó phạm tội với lỗi cố ý, tức là “đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới do cố ý” thì mới bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm, còn đối với trường hợp phạm tội do lỗi vô ý thì không coi là tái phạm nguy hiểm dù đó là tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng. Bản thân người viết đồng ý với ý kiến thứ ba vì cách hiểu và áp dụng này phù hợp với quy định của

BLHS tại điểm b, khoản 2, Điều 49. Ví dụ: A bị xử phạt tù về tội “làm môi giới hối lộ” và bị xác định là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Sau khi chấp hành xong bản án về tội làm môi giới hối lộ nhưng chưa được xóa án tích thì A lại phạm tội “Vô ý gây thương tích” là tội có lỗi vô ý thì khi xét xử A không được coi là tái phạm nguy hiểm.

Trong thực tiễn xét xử cần chú ý trường hợp tình tiết “tái phạm” được áp dụng là tình tiết định tội đối với một số tội phạm. Ví dụ: Khoản 1 Điều 140 BLHS quy định người nào thực hiện một trong những hành vi được quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 140 chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị dưới một triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì sẽ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Trong trường hợp này, tất cả các lần kết án về tội chiếm đoạt tài sản trước đó chỉ được tính là yếu tố định tội chứ không được tính là tái phạm. Đối với trường hợp các lần bị kết án trước đó có lần không phải là về tội chiếm đoạt tài sản thì vẫn được xác định để tính tái phạm. Ví dụ: A đã hai lần bị kết án, trong đó có một lần về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, một lần về tội đánh bạc đều chưa được xóa án tích thì lại phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có trị giá 500.000 đồng. Trường hợp này A sẽ bị truy tố, xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm.

Khi áp dụng các tình tiết này, trường hợp bị cáo là tái phạm, tái phạm nguy hiểm, nếu sau đó cùng một lúc phạm từ hai tội trở lên hoặc ở những thời điểm khác nhau, thì cần áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” đối với tất cả các tội đó, nếu điều luật quy định “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt thì áp dụng là tình tiết định khung hình phạt, nếu điều luật không quy định “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt thì áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS.

Khi một người phạm nhiều tội khác nhau và bị đưa ra xét xử trong cùng một vụ án, nếu người đó thuộc trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm thì phải áp dụng tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với tất cả các tội đã phạm.

Thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội đối với trẻ em

Thực tiễn áp dụng tình tiết này nảy sinh một số vướng mắc như việc xác định tình tiết này trong trường hợp có sự không phù hợp giữa thực tế khách quan đối tượng bị xâm hại là trẻ em và ý thức chủ quan của người phạm tội (tưởng và cho rằng, không biết đối tượng bị xâm hại là trẻ em).

Tại mục 2, Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS đã hướng dẫn như sau:

Về tình tiết "phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 của BLHS:

Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già" đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ em, phụ nữ có thai, người già.

"Trẻ em" được xác định là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em". [30]

Theo hướng dẫn của Nghị quyết thì người phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS "phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già" khi có đủ những điều kiện sau: Một là, tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, trường hợp tội phạm được thực hiện với lỗi vô ý thì người phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng này; Hai là, việc phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội đối với trẻ em" không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người phạm tội có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ

em mà chỉ cần chứng minh tại thời điểm phạm tội người bị xâm hại là trẻ em thì người phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng này.

Việc xác định tuổi của người được xác định là trẻ em là một yêu cầu bắt buộc đối với các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong vụ án có người bị hại là trẻ em phải thu thập được giấy khai sinh của người bị hại, nếu không có giấy khai sinh thì phải có các giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh tuổi của người bị hại. Thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp việc xác định tuổi của người bị hại gặp rất nhiều khó khăn mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng hết mọi biện pháp nhưng vẫn không xác định được. Tại mục 11 phần II Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp các vấn đề nghiệp vụ đã hướng dẫn xác định tuổi của người bị hại chưa thành niên như sau:

Cách xác định ngày, tháng sinh của người bị hại chưa thành niên:

Nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng đó thì lấy ngày mùng một của tháng đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong quý đó thì lấy ngày mùng một của tháng đầu của quý đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào của nửa đầu năm hay nửa cuối năm thì lấy ngày mùng một tháng giêng hoặc ngày mùng một tháng 7 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

Nếu không xác định được nửa năm nào, quý nào, tháng nào trong năm, thì lấy ngày mùng một tháng giêng của năm đó làm ngày sinh của người bị

hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. [28]

Tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên đã hướng dẫn cụ thể về xác định tuổi của người bị hại là người chưa thành niên như sau:

Điều 12. Xác định tuổi của người bị hại là người chưa thành niên:

Việc xác định tuổi của người bị hại là người chưa thành niên do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác ngày, tháng, năm sinh của người bị hại là người chưa thành niên thì tuổi của họ được xác định như sau:

Trường hợp xác định tháng sinh cụ thể, nhưng không xác định được ngày sinh trong tháng đó thì lấy ngày mùng một của tháng đó làm ngày sinh;

Trường hợp xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý đó thì lấy ngày mùng một của tháng đầu của quý đó làm ngày sinh;

Trường hợp xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm đó thì lấy ngày mùng một tháng Giêng hoặc ngày mùng một tháng Bảy tương ứng của năm đó làm ngày sinh;

Trường hợp xác định được năm sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày tháng sinh thì lấy ngày mùng một tháng Giêng của năm đó làm ngày sinh;

Trường hợp không xác định được năm sinh của người bị hại là người chưa thành niên thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi của họ. [37]

Thực tiễn áp dụng tình tiết phạm tội đối với phụ nữ có thai, người già
Tại mục 2, Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng
Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn như sau:

"Phụ nữ có thai" được xác định bằng các chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Trong trường hợp thực tế khó nhận biết được người phụ nữ đó đang mang thai hay không hoặc giữa lời khai của bị cáo và người bị hại về việc này có mâu thuẫn với nhau thì để xác định người phụ nữ đó có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

"Người già" được xác định là người từ 70 tuổi trở lên. [30]

Cũng như trường hợp phạm tội đối với trẻ em, phạm tội đối với phụ nữ có thai và người già không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội nên không yêu cầu người phạm tội phải biết người mà mình xâm phạm đang có thai hoặc là người già thì mới bị áp dụng mà chỉ cần phạm tội do lỗi cố ý và tại thời điểm phạm tội người bị xâm hại là phụ nữ có thai hoặc người già thì sẽ bị áp dụng tình tiết tăng nặng này.

Thực tiễn áp dụng tình tiết xâm phạm tài sản của Nhà nước

Tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm được đánh giá thông qua các yếu tố thuộc mặt khách quan và chủ quan của tội phạm. Trong đó, đối tượng tác động của tội phạm là yếu tố thuộc mặt khách quan nên đặc điểm của đối tượng tác động của tội phạm cũng phản ánh phần nào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Tài sản thuộc hình thức sở hữu nhà nước bao gồm đất đai, rừng tự nhiên, rừng trồng có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi tự nhiên ở vùng biển, thềm lục địa và vùng

trời, phân vốn và tài sản do Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, công trình thuộc các ngành và lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, kỹ thuật, ngoại giao, quốc phòng, an ninh cùng các tài sản khác do pháp luật quy định. Hành vi xâm hại đến tài sản của Nhà nước không những xâm hại đến sở hữu của Nhà nước mà còn xâm hại đến nền kinh tế quốc gia. Do đó, hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước có tính nguy hiểm cao hơn so với xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu khác nên hành vi này được quy định là tình tiết tăng nặng TNHS trong BLHS và trong một số trường hợp còn được quy định là tình tiết định khung hình phạt.

Thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “xâm phạm tài sản của Nhà nước” còn nhiều ý kiến khác nhau. Vì trong thực tiễn nhiều trường hợp đặc điểm về đối tượng của tội phạm rất khó để xác định bằng trực giác của người phạm tội trong khi BLHS chưa quy định rõ và cũng chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết này.

Quan điểm thứ nhất, chỉ cần đối tượng bị xâm hại là tài sản của Nhà nước thì người phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng này mà không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người phạm tội.

Quan điểm thứ hai, cần áp dụng theo nguyên tắc kết hợp giữa ý thức chủ quan của người phạm tội và thực tế khách quan của đối tượng bị xâm hại trong mối liên hệ với chính cấu thành cơ bản của tội đó. Theo nguyên tắc này thì cần phải phân tích thái độ tâm lý của người phạm tội trong việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS xâm phạm tài sản của Nhà nước. Nếu họ thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp thì họ phải chịu tình tiết này khi họ biết rõ đó là tài sản của Nhà nước. Nếu họ thực hiện tội phạm với lỗi cố ý gián tiếp thì họ phải chịu tình tiết này khi họ có thái độ bàng quan, bỏ mặc không quan tâm đó là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước hay không thuộc sở hữu Nhà nước. Nếu họ thực hiện tội phạm với lỗi vô ý thì họ phải chịu theo thực tế khách

quan mà không cần thiết phải xem xét họ có biết hay không biết đó là tài sản của Nhà nước vì khi thực hiện tội phạm họ hoàn toàn vô ý với hậu quả xảy ra.

Ví dụ: Chị C là cán bộ của một cơ quan Nhà nước, khi đi công tác đem theo máy tính xách tay do cơ quan cấp dùng để làm việc và bị X trộm cắp chiếc máy tính này khi để ở trong phòng khách sạn. Trong trường hợp này, X không biết chiếc máy tính xách tay này là tài sản của Nhà nước nên tồn tại hai quan điểm về việc áp dụng hay không áp dụng tình tiết tăng nặng xâm phạm tài sản của Nhà nước đối với X. Tuy nhiên, hiện nay đa số ý kiến vẫn ủng hộ quan điểm thứ hai là không áp dụng tình tiết này đối với X vì X không thể biết được đây là tài sản của Nhà nước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn về việc áp dụng tình tiết này, bản thân người viết đồng ý với quan điểm thứ nhất, tức là người phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “xâm phạm tài sản của Nhà nước” đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của họ có nhận biết được hay không nhận biết được đó là tài sản của Nhà nước.

Thực tiễn áp dụng tình tiết xúi giục người chưa thành niên phạm tội

Hiện nay, có quan điểm cho rằng trường hợp người xúi giục người chưa thành niên phạm tội cũng là người chưa thành niên thì không áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” đối với họ. Tại Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng đã hướng dẫn như sau:

“Điều 57 Bộ luật Hình sự quy định: “Người chưa thành niên phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của chương này”. Trong chương VII Phần chung Bộ luật Hình sự

“Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội” không có quy định nào loại trừ việc áp dụng các tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Hình sự nói chung và tình tiết “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nói riêng. Tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Hình sự chỉ quy định “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội, chứ cũng không quy định người xúi giục phải là người thành niên; Vì vậy, nếu người chưa thành niên phạm tội mà có hành vi xúi giục người chưa thành niên khác phạm tội, thì khi xét xử Tòa án phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Hình sự đối với họ”. [29]

Do đó, theo quy định tại chương X của BLHS năm 1999 “những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội” cũng không có quy định nào loại trừ việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “xúi giục người chưa thành niên phạm tội”. Vì vậy, nếu người xúi giục người chưa thành niên phạm tội cũng là người chưa thành niên thì khi xét xử Tòa án vẫn áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” đối với họ để xét xử.

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự

Sửa đổi pháp luật tức là phải làm cho pháp luật phù hợp với thực tiễn và giải quyết được các vướng mắc khi áp dụng pháp luật vào cuộc sống. Do đó, cần quy định rõ như thế nào là tình tiết định tội, tình tiết định khung và tình tiết tăng nặng chung để làm cơ sở pháp lý giúp cho các cơ quan tư pháp hình sự và Tòa án phân biệt cũng như áp dụng chính xác chúng trong thực tiễn xét xử. Các tình tiết tăng nặng và những khái niệm liên quan trong BLHS cần được quy định rõ ràng, thống nhất nhằm đảm bảo nhận thức và áp dụng thống

nhất, hạn chế đến mức thấp nhất những quy định tùy nghi. Đặc biệt là những tình tiết tăng nặng phổ biến cần được quy định rõ nội dung trong BLHS. Cải tiến kỹ thuật xác định các khung hình phạt tăng nặng, đặc biệt là những tội có hai đến ba khung tăng nặng, định lượng hậu quả là một trong những tình tiết định khung. Mức hình phạt ở khung hình phạt đó phải tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, đảm bảo công bằng khi cá thể hóa hình phạt.

Các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền cũng cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự còn nhiều cách hiểu chưa thống nhất trong việc quy định và áp dụng chúng trong thực tiễn hoặc đang được thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra, như: trường hợp một người “đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới...” có bị coi là tái phạm nguy hiểm không; như thế nào là “phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” (điểm k khoản 1 Điều 48); “phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được” (điểm h khoản 1 Điều 48).

3.2.2. Giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật

Đất nước ta đang trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, nhiều quan hệ xã hội mới hình thành và phát triển cùng với sự thay đổi một số chính sách cụ thể trong khi văn bản Luật lại cần có tính khái quát cao, định ra những quy định chung nhất và phổ biến nhất từ những vấn đề cụ thể. Đối với các vấn đề và các quan hệ xã hội đang còn nhiều thay đổi và chuyển biến, sau một thời gian nhất định được điều chỉnh bằng văn bản dưới Luật, sẽ ổn định và sẽ được nghiên cứu để điều chỉnh bằng văn bản Luật thông qua hoạt động rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản Luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Có như vậy thì văn bản Luật có điều kiện để đi vào ngay cuộc sống khi ban hành. Bên cạnh đó thì Nhà nước cần quan tâm đến công tác giải thích chính

thức pháp luật để tạo lập một cách hiệu thống nhất và chính xác trong quá trình áp dụng pháp luật. Giải thích pháp luật nói chung và giải thích chính thức các quy phạm pháp luật là công việc hết sức cần thiết để đưa các quy phạm pháp luật vào đời sống xã hội. Nếu được quan tâm đúng mức, công tác giải thích pháp luật sẽ góp phần rất lớn vào việc nhận thức đúng, chính xác và thống nhất bản chất chính trị pháp lý của nội dung quy phạm pháp luật khi tiến hành các hoạt động áp dụng pháp luật.

Với một hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ và được nhận thức, được hướng dẫn thi hành một cách thống nhất, kịp thời phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đời sống xã hội thì việc áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân sẽ có đầy đủ cơ sở pháp lý, có đủ điều kiện cần thiết để các chủ thể áp dụng pháp luật có thể cân nhắc, chọn lựa quy phạm pháp luật phù hợp. Đặc biệt, trong hoạt động xét xử của Tòa án, nếu các quy phạm pháp luật được ban hành đầy đủ; nội dung quy phạm pháp luật được giải thích, hướng dẫn kịp thời và thống nhất thì chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử chắc chắn sẽ được bảo đảm và được nâng cao hơn. Điều đó cũng có ý nghĩa thiết thực đối với việc khắc phục tình trạng chủ quan, tùy tiện, thiếu thống nhất khi ban hành bản án, quyết định trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở nước ta hiện nay.

Hiện nay các văn bản hướng dẫn áp dụng về các tình tiết tăng nặng TNHS còn thiếu về số lượng, một số văn bản còn mâu thuẫn, chồng chéo. Vì vậy, cần phải tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng các tình tiết này, đồng thời hệ thống, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn theo hướng:

- Tăng cường công tác hướng dẫn xét xử và giải thích BLHS. Đặc biệt là các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS hiện nay còn nhiều khoảng trống, chẳng hạn như đối với một số trường hợp mà BLHS chỉ đưa ra định lượng tương đối với một số loại tội phạm, cần phải ban hành thêm văn bản hướng

dẫn trong đó việc định lượng cụ thể như thế nào là “phạm tội gây thiệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng” đối với một số loại tội phạm, đặc biệt là đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, các tội xâm phạm chế độ sở hữu, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về chức vụ, ... nhằm đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật và tính thống nhất, công bằng, hợp lý và minh bạch trong áp dụng pháp luật.

- Tăng cường công tác giải thích, giải đáp pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ và một số nguyên tắc chung trong áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS, về quy trình vận dụng ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng TNHS đến TNHS trong vụ án cụ thể hiện vẫn còn nhiều vướng mắc và nhiều ý kiến khác nhau ở mỗi Tòa án, mỗi cấp xét xử, mỗi thẩm phán. Do đó, cần có sự giải thích để đi đến sự nhận thức thống nhất về nội dung của một số tình tiết tăng nặng TNHS, thống nhất về cách áp dụng và giá trị ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng TNHS đến mức độ TNHS và hình phạt.

- Tập hợp, hệ thống hóa toàn bộ các văn bản hướng dẫn, giải đáp việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vì hiện nay tuy có nhiều vấn đề đã được hướng dẫn, giải đáp trong nhiều năm qua nhưng nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau mà chưa có sự tập hợp, thống kê, sắp xếp một cách có hệ thống nên việc tiếp cận, nghiên cứu, vận dụng khi xét xử còn gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian, chưa kể sự hướng dẫn trong các văn bản đôi khi mâu thuẫn, chồng chéo nhau, chưa đầy đủ nhưng do nằm ở nhiều văn bản khác nhau nên việc cập nhật thông tin, tiếp cận chúng rất hạn chế, làm cho quá trình áp dụng thêm rườm rà vì phải dẫn chiếu đến nhiều văn bản khác nhau.

3.2.3. Tăng cường tổng kết thực tiễn xét xử

Bên cạnh việc ban hành mới văn bản luật, cần chú trọng đến việc tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản luật đã ban hành một cách toàn

diện và đầy đủ nhằm kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những quy phạm pháp luật đã lỗi thời, lạc hậu, không được cuộc sống chấp nhận. Thực tiễn hiện nay, các cơ quan, các ngành và các địa phương chưa chú trọng đúng mức đến việc đánh giá hiệu quả của quy phạm pháp luật đã tác động thế nào đến đời sống xã hội.

Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã được pháp luật quy định là tổng kết kinh nghiệm xét xử của các Tòa án mà cụ thể là Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Việc tổng kết kinh nghiệm xét xử là việc tiến hành đánh giá lại các quá trình áp dụng pháp luật để ban hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã thực hiện và hình thành những quan điểm lý luận, những hướng dẫn chung được đúc kết từ thực tiễn áp dụng pháp luật để bảo đảm mọi quyết định và bản án được ban hành từ một chuẩn chung là pháp luật. Tổng kết kinh nghiệm xét xử bao gồm cả việc xem xét, đánh giá kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tài liệu vụ án của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân; kỹ năng tìm và chọn lựa quy phạm pháp luật phù hợp để giải quyết những yêu cầu của vụ án và cả kỹ năng thực hiện các thao tác bắt buộc của quy trình tố tụng khi xét xử như xét hỏi, điều khiển tranh luận, nghị án và ban hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân. Công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử giúp cho ngành Tòa án nhân dân có điều kiện tìm ra những nguyên nhân xét xử đúng pháp luật và cả nguyên nhân sai lầm khi áp dụng các quy phạm pháp luật. Việc tổng kết kinh nghiệm xét xử có một ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận lẫn thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nói riêng và trong công tác xây dựng, hoàn thiện các quy phạm pháp luật nói chung cũng như các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Từ đó, nhà làm luật có thể hoàn thiện một cách tốt nhất

các quy định của pháp luật hình sự trong áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS khi giải quyết án

3.2.4. Nâng cao năng lực của cán bộ

Phán quyết của Tòa án ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức xã hội, quyền và lợi ích của công dân. Do đó, công tác xét xử phải khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật thì mới đáp ứng được yêu cầu do thực tiễn xét xử đặt ra. Trong đó, cán bộ làm công tác xét xử là một nhân tố quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đến việc thi hành, áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Hiện nay, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực xét xử của một số cán bộ, thẩm phán còn nhiều hạn chế. Tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ Tòa án chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của nhiệm vụ. Nhiều cán bộ còn thiếu ý thức cầu thị, phấn đấu học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và rèn luyện tư cách, phẩm chất đạo đức của người cán bộ Tòa án. Việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS là thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, hoạt động này phụ thuộc nhiều vào sự đánh giá, nhận thức và có phần mang tính cảm tính của hội đồng xét xử về nhận định mức độ tăng nặng TNHS trong từng trường hợp cụ thể. Do sự đa dạng, phong phú của các tình tiết tăng nặng TNHS và mức độ ảnh hưởng của từng tình tiết là khác nhau trong từng vụ án cụ thể và quyền tùy nghi của Tòa án trong áp dụng các quy định về tình tiết tăng nặng TNHS. Mặc dù việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS chỉ giới hạn ở trong một khung hình phạt nhưng mức dao động về mức hình phạt trong một khung cũng là rất lớn. Việc lựa chọn một mức hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội phải đảm bảo được mục đích của hình phạt, tính nghiêm trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Việc xác định mức tăng nặng của mỗi tình tiết phụ thuộc vào biểu hiện cụ thể của nó

trong vụ án hình sự. Trong khi tính tùy nghi trong việc áp dụng các quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS là một thực tế khách quan, nên việc xác định mức tăng nặng của mỗi tình tiết trong vụ án cụ thể phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức, đánh giá của người áp dụng pháp luật. Vì vậy, yêu cầu người tiến hành tố tụng, đặc biệt là thẩm phán phải là những người có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao. Do đó, cần tăng cường đào tạo nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và lối sống đối với cán bộ điều tra, kiểm sát, Tòa án, đặc biệt là đối với thẩm phán nhằm đảm bảo cho việc xem xét khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án theo đúng tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị.

Bên cạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cần tăng cường hơn nữa chất lượng tập huấn nghiệp vụ, công tác xét xử trong việc áp dụng các văn bản hướng dẫn cho đội ngũ làm công tác xét xử. Vì mặc dù đã có văn bản hướng dẫn nhưng trong thực tế sự nhận thức của các Tòa án, đội ngũ làm công tác xét xử trong cả nước và ở từng địa phương lại khác nhau dẫn đến sự thiếu thống nhất trong cách hiểu, từ đó dẫn đến việc áp dụng thiếu đồng bộ, mỗi Tòa án ở mỗi địa phương lại áp dụng khác nhau.

3.2.5. Các giải pháp khác

Đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử:

Cần nghiên cứu, sửa đổi bổ sung các quy định liên quan tới tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp trong đó có cơ quan Tòa án nhân dân là một trong những nội dung mà Đảng và Nhà nước ta đang rất quan tâm nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án và các cơ quan tư

pháp. Hướng đổi mới là nâng cao năng lực xét xử cho Tòa án nhân dân cấp huyện để Tòa án nhân dân cấp huyện trở thành cơ quan xét xử sơ thẩm là chủ yếu, Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm là chủ yếu và Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử và hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong toàn ngành. Muốn vậy, điều quan trọng hiện nay là phải tăng cường đội ngũ cán bộ Tòa án nhân dân, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán các Tòa án nhân dân địa phương; trang bị kịp thời cơ sở vật chất, phương tiện cần thiết cho Tòa án nhân dân cấp huyện; Số lượng và chất lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện phải tăng và yêu cầu cao hơn so với hiện nay.

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân phải được tiến hành từng bước phù hợp và luôn luôn bảo đảm là cơ quan thể hiện quyền uy của Nhà nước cho việc thực hiện quyền phán xét, phân xử; là nơi thực hiện công lý xã hội chủ nghĩa một cách chính xác và khách quan. Mặt khác, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân phải nhằm nâng cao sự tín nhiệm của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan Tòa án, sự gần gũi tin yêu của nhân dân lao động đối với Thẩm phán, cán bộ công chức của ngành Tòa án nhân dân.

Nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ Thẩm phán:

Để bảo đảm việc xây dựng và phát triển đội ngũ Thẩm phán có chất lượng cần quan tâm đến những vấn đề, những yếu tố tạo thành tư cách của người Thẩm phán như bản lĩnh chính trị, đạo đức phẩm chất, sự am hiểu đời sống xã hội, vốn sống và kinh nghiệm thực tiễn, trình độ nhận thức pháp luật và kỹ năng nghề nghiệp. Bên cạnh việc kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua, Nhà nước cần có một chiến lược đào tạo và phát triển đội ngũ Thẩm phán đủ sức đảm đương và hoàn thành tốt nhiệm vụ trước những yêu cầu mới với những bước đi thích hợp, vững chắc, phù hợp

với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Mặt khác, người thẩm phán phải luôn luôn có ý thức tự rèn luyện để nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và luôn biết tích lũy vốn sống, kinh nghiệm thực tiễn áp dụng pháp luật.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, Nhà nước cần có những chính sách ưu đãi phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp như chế độ lương và phụ cấp của Thẩm phán; các chế độ ưu đãi khi thi hành công vụ; chế độ bảo vệ để chống lại sự mua chuộc hoặc đe dọa của tội phạm; chế độ bổ nhiệm, thi tuyển và độ tuổi nghỉ hưu của Thẩm phán. Đặc biệt, Nhà nước và xã hội cần nhìn nhận Thẩm phán là một nghề chứ không chỉ đơn thuần là một chức danh được bổ nhiệm và từ đó xây dựng chế độ bổ nhiệm không theo nhiệm kỳ. Nghề Thẩm phán với thời gian hành nghề không theo nhiệm kỳ năm năm, mười năm; với quy định độ tuổi để nghỉ hưu dài hơn so với cán bộ, công chức, viên chức các ngành khác, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người Thẩm phán rèn luyện, tu dưỡng, tích lũy kinh nghiệm xét xử và vươn lên không ngừng. Bên cạnh đó, chế độ sát hạch, thi tuyển Thẩm phán cần thực hiện nghiêm ngặt hơn so với quy định tuyển chọn hiện nay.

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Hội thẩm nhân dân:

Trong hoạt động xét xử của Tòa án, Hội thẩm nhân dân giữ một vai trò hết sức quan trọng. Tuy nhiên, hội thẩm nhân dân hiện nay còn mang tính kiêm nhiệm nhiều, quá trình cơ cấu hội thẩm theo từng lĩnh vực (như giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, tài chính, xây dựng...) với mục đích khi có các vụ án có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của mình thì trong nhiều trường hợp, hội thẩm sẽ am hiểu về lĩnh vực đó hơn Thẩm phán. Mặc dù có trình độ chuyên môn riêng nhưng hiện nay đa số hội thẩm nhân dân vẫn còn

hạn chế rất nhiều về trình độ pháp lý, đây là vấn đề bất cập trong thực tiễn hiện nay. Trong các phiên tòa xét xử, các hội thẩm nhân dân tham gia xét hỏi rất ít, nếu có hỏi thì không đúng trọng tâm hoặc hỏi lại các tình tiết mà thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã hỏi. Trách nhiệm của hội thẩm nhân dân tuy được quy định rất rõ, nhưng trong thực tiễn xét xử nếu xảy ra trường hợp oan sai, án bị hủy, sửa thì chỉ có thẩm phán chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chánh án. Mặt khác, Hội thẩm nhân dân hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, thu nhập chủ yếu từ lương nơi công tác nên ý thức trách nhiệm trong quá trình xét xử không áp dụng theo việc thi hành công vụ như ở cơ quan được; tổng kết cuối năm ở cơ quan không xem hoạt động của cán bộ, công chức kiêm nhiệm là Hội thẩm làm tiêu chí đánh giá năng lực công tác, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Do vậy, không phát huy được tinh thần trách nhiệm của Hội thẩm trong công việc xét xử.

Để khắc phục những bất cập trên cần phải có giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Hội thẩm nhân dân, đó là:

- Đổi mới về tư duy để xác định rõ ràng vị trí, vai trò của Hội thẩm khi tham gia công tác xét xử được pháp luật quy định là ngang quyền với Thẩm phán, độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật; chủ động kiến nghị Chánh án tổ chức phân công tham gia phiên tòa xét xử theo quy định Điều 36 Pháp lệnh thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân: "Trong một năm mà Hội thẩm không được Chánh án Tòa án phân công làm nhiệm vụ xét xử thì có quyền yêu cầu Chánh án Tòa án cho biết lý do", hạn chế trường hợp trong thực tế có Hội thẩm trong một nhiệm kỳ không tham gia xét xử một vụ án nào hoặc có tham gia nhưng rất ít.

- Tăng cường phối hợp về nhân sự để lựa chọn được những Hội thẩm đạt tiêu chuẩn theo quy định pháp luật nhưng thêm những tiêu chí ưu tiên khác rất quan trọng, đó là: ưu tiên những người có trình độ pháp lý, có điều kiện tham

gia và nhiệt huyết với công tác xét xử, tăng cường hội thẩm trẻ tuổi, giáo viên, người không kiêm nhiệm nhiều chức vụ, ...

- Chú trọng xây dựng đề án về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nơi Hội thẩm đang công tác với Tòa án, ưu tiên việc tham gia hội đồng xét xử trong các vụ án khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án xét xử, cần có quy định thêm về tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, công chức là hội thẩm nhân dân trong nhiệm kỳ của mình hoạt động đúng pháp luật có thể được suy tôn danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, tăng lương trước thời hạn.

Kết luận chương 3

Để nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong giải quyết các vụ án hình sự cần những giải pháp đồng bộ về tư tưởng, chính trị, hoàn thiện pháp luật và lập pháp, đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án, nâng cao năng lực của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Cần phải thống nhất nhận thức về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tiến hành kịp thời công tác hướng dẫn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để đảm bảo cách hiểu và áp dụng thống nhất các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong thực tiễn cần phải tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cùng với đó phải nâng cao năng lực của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng để giải quyết tốt vụ án hình sự, áp dụng chính xác tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học "Các tình tiết tăng nặng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Gia Lai" cho phép học viên đưa ra các kết luận chung dưới đây:

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là các tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, là căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt so với các trường hợp phạm tội tương tự khác nhưng không có tình tiết tăng nặng đó. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có ý nghĩa trong việc định tội, mà chỉ có ý nghĩa trong việc lượng hình. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ý nghĩa hết sức quan trọng khi quyết định hình phạt, là phương tiện để thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong áp dụng pháp luật.

Việc nghiên cứu toàn diện lý luận về khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc áp dụng của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cũng như tổng hợp các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam liên quan đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự làm rõ được bản chất, nội hàm đầy đủ của quy định này, từ đó giúp cho việc vận dụng vào thực tiễn được chính xác, tạo tiền đề cho việc áp dụng đúng pháp luật.

Từ trước đến nay các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đều được quy định trong pháp luật hình sự của nước ta và ngày càng được hoàn thiện hơn phù hợp với nền kinh tế xã hội, tình hình tội phạm và nhu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong từng giai đoạn. Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định tương đối hoàn chỉnh, hợp lý hệ thống các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tạo cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng đấu tranh có hiệu quả với tình hình tội phạm.

Việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự trên địa bàn tỉnh Gia Lai cho thấy hiệu quả việc áp dụng quy định này phụ thuộc vào nhiều yếu tố dẫn đến việc áp dụng chưa chính xác tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, áp dụng chưa đầy đủ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đánh giá chưa chính xác tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Những bất cập, hạn chế xảy ra trong thực tiễn là do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng cơ bản vẫn là do các quy định của BLHS chưa thật hợp lý, rõ ràng về nội dung cũng như kỹ thuật thể hiện, hướng dẫn áp dụng BLHS của các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời, trình độ của người áp dụng pháp luật còn hạn chế.

Để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật của BLHS nói chung và quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói riêng, thì không những chỉ chú trọng tăng cường hoạt động lập pháp và giải thích pháp luật hình sự theo yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của cải cách tư pháp mà phải thực hiện tốt những yếu tố bảo đảm và nâng cao hiệu quả của thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự; coi trọng và tăng cường hơn nữa sự phát triển của Khoa học pháp luật hình sự; hoạch định tốt chính sách hình sự một cách hệ thống, khách quan và toàn diện; tiếp tục đổi mới và chú trọng công tác tổ chức và đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt:

1. Báo Gia Lai Online (2012), *Giới thiệu chung về tỉnh Gia Lai*.
2. Thái Chí Bình (2015), *Một số vấn đề về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” trong Bộ luật Hình sự*, <http://moj.gov.vn>, ngày 20/5/2015.
3. Thái Chí Bình (2015), *Một số vấn đề về tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm*.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Nguyễn Mạnh Hải (2013), *Đấu tranh phòng, chống tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ luật học.
8. Phạm Hồng Hải (1999), *Một vài ý kiến về chế định tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định của Bộ luật Hình sự 1999*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 4/2001.
9. Lê Văn Luật (2006), *Bàn về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” quy định trong Luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý số 4/2006.

10. Vũ Thị Len (2015), *Tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn thành phố Ninh Bình, tình hình nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ luật học.
11. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Cao Thị Oanh (2003), *Vấn đề hoàn thiện những quy định về các tội cờ bạc trong Bộ Luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 1 (2003).
13. Cao Thị Oanh (2002), *Đấu tranh phòng chống tội cờ bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ luật học.
14. Mai Phong, *Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, một số khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm học*, Luận văn Thạc sĩ luật học.
15. Vũ Văn Phong (2006) ,*Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ luật học.
16. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
17. Quốc hội (1988), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
18. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
19. Quốc hội, *Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự*.
20. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2004), *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
23. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 - Phần chung*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Đinh Văn Quế (2009), *Bình luận khoa học về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đinh Văn Quế, *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phản ánh cách thức thực hiện tội phạm và một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*.
27. Tòa án nhân dân tối cao (1988), *Nghị quyết số 02 ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội.
28. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp các vấn đề nghiệp vụ*, Hà Nội.
29. Tòa án nhân dân tối cao (1999), *Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng*, Hà Nội.
30. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
31. Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Công an (2000), *Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của TANDTC, VKSNDTC, BTP, BCA hướng dẫn thi hành Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 1999*, Hà Nội.
32. Phan Hồng Thủy (2010), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ luật học.
33. Trần Quang Tiệp (2003), *Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về tổ chức tội phạm, tội phạm có tổ chức và phạm tội có tổ chức*, Tạp chí kiểm sát (07/2003), Hà Nội.

34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Trịnh Tiến Việt (2003), *Bàn về các tình tiết tăng nặng trong việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Tạp chí Kiểm Sát số 04/2003.
36. Trịnh Tiến Việt (2004), *Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự 1999 và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 13, tháng 7/2004.
37. Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Tư pháp – Bộ Lao động Thương binh và xã hội (2011), *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội.
38. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt nam - Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình luật hình sự Việt nam - Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Website:

42. <http://moj.gov.vn>.
43. www.baogialai.com.vn.
44. <http://toaan.gov.vn/>